

Số: **2036**/CBTT-TMD  
V/v Công bố thông tin 24h

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin.**
2. Mã chứng khoán: **MDC**
3. Trụ sở chính: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
4. Điện thoại: 0203.3868.271; 0203.3868.272; Fax: 0203.3868.276.
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Nơi giao dịch: HNX
7. Nội dung công bố thông tin: Công bố các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
  - Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
  - Báo cáo kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 – 2023); Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023-2028).
  - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022
  - Báo cáo tóm tắt Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021.
  - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2022 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022.
  - Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD năm 2022, đề xuất kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD năm 2023.
  - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2022, cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023.
  - Báo cáo đánh giá kết quả SXKD, thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.
  - Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2022.
  - Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV 2023-2028 của Công ty.

8. Địa chỉ Website đăng tải thông tin: Mongduongcoal.vn - Mục quan hệ cổ đông-Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các quyết định của Đại hội.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Các cổ đông; trang Website Cty;
- HĐQT, BKS, Ban GD, KTT
- Lưu VT, HĐQT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Nguyễn Thanh Sơn**



Số: **90** /BB-ĐHĐCĐ

*Cắm phả, ngày 30 tháng 06 năm 2023*

**BIÊN BẢN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin;
- Địa chỉ trụ sở: Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng ninh cấp ngày 19 tháng 5 năm 2022;
- Hôm nay, vào hồi 7h30' ngày 30 tháng 06 năm 2023, tại Hội trường Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh. Công ty đã tiến hành tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Thành phần tham dự Đại hội gồm:
  - + Các thành viên Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty.
  - + Tham dự đại hội có: 42 cổ đông là sở hữu và đại diện cho 18.081.872 cổ phần, chiếm 84,4224 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**ĐẠI HỘI ĐÃ DIỄN RA THEO TRÌNH TỰ  
VÀ BAO GỒM NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY**

**I. Trình tự tiến hành họp Đại hội**

**1. Chủ tọa Đại hội:** Ông Trần Thế Thành - Chủ tịch HĐQT Công ty.

**2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:** Thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội, ông Lê Thế Anh - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự:

(1) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin là: 21.418.346 cổ phần; do 1797 cổ đông sở hữu và đại diện. Trong đó: 13 cổ đông là tổ chức (trong nước là: 10 cổ đông; tổ chức nước ngoài là: 3 cổ đông) và 1784 cổ đông là cá nhân.

(2) Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu được mời tham dự Đại hội là 1797/1797 cổ đông. Đăng ký tham dự đại hội 42 người sở hữu và đại diện theo



ủy quyền 18.081.872 cổ phần, chiếm 84,4224 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.

(3) Số cổ đông sở hữu và Người được ủy quyền có mặt tham dự Đại hội là 42 cổ đông, sở hữu, đại diện và ủy quyền 18.081.872 cổ phần, chiếm 84,4224 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin.

(4) Chủ tọa kết luận: Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 59/2020, Điều 19 Điều lệ Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin; Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội.

**3. Đề cử Thư ký Đại hội:** Ông Trần Thế Thành, Chủ tọa Đại hội đề cử ông Nguyễn Thế Hanh – PP.Vật tư Công ty; làm Thư ký ghi Biên bản, Nghị quyết Đại hội và đã được Đại hội nhất trí thông qua.

**4. Đề xuất tổ giúp việc và kiểm phiếu cho Đại hội:** Ông Trần Thế Thành, Chủ tọa Đại hội đề xuất ông Lê Thế Anh và nhóm giúp việc Đại hội vào Ban kiểm phiếu. Ông Lê Thế Anh là Trưởng ban kiểm phiếu và tổ giúp việc; đã được Đại hội nhất trí thông qua.

## **II. Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội:**

Ban tổ chức Đại hội trình bày Chương trình và dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội:

1. Đại hội đã nhất trí 100% thông qua Chương trình làm việc.

2. Đại Hội đã nhất trí 100% thông qua dự thảo quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp 59/2020, và Giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các nội dung của quy chế, với một số nội dung cơ bản như sau:

+ Đại hội được tiến hành khi có số Người dự họp đại diện cho lớn hơn 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

+ Trừ các nội dung ghi tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đồng ý tán thành.

## **III. Phần trình bày các báo cáo tại Đại hội:**

1. Báo cáo SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023 (có báo cáo kèm theo)

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 (có báo cáo kèm theo).

3. Báo cáo tóm tắt Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022(có báo cáo kèm theo).

4. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2022 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 (có tờ trình kèm theo).



5. Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2022, đề xuất kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2023 (có báo cáo kèm theo).

6. Báo cáo của BKS giám sát công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành năm 2022 (có báo cáo kèm theo).

7. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (Có báo cáo kèm theo).

8. Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2023 (Có báo cáo kèm theo).

9. Bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty. (có Báo cáo kèm theo).

#### **IV. Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết các vấn đề sau:**

**Nội dung 1: Thông qua kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 – 2023); Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023-2028).**

Sau khi nghe Ông Hoàng Trọng Hiệp, Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo về kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 – 2023); Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023-2028) với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

##### **1. Kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ III năm 2018-2023.**

a) Năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	197	176	176	89	100
-	Đất sản xuất	"	197	176	176	89	100
2	Đào lò tổng số	Mét	18.800	19.200	19.838	106	103
-	Đào lò XDCB	"	-	-	-		
-	Lò CBSX	"	18.800	19.200	19.838	106	103
3	Than NK sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	1.525	1.551	1.432	94	92
-	Than lộ thiên	"	25	26	26	105	100
-	Than hầm lò	"	1.500	1.525	1.529	102	100
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	38	38	68	182	182
-	Than sạch từ than NK	"	38	38	68	182	182
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-	-		
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	1.523	1.523	1.583	104	104

6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	65	91	97	150	107
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.277	2.277	2.805	123	123
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	29	59	116	394	197
9	Lao động định mức	Người	3.473	3.473	3.418	98	98
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	16.175	16.175	17.644	109	109
11	Cổ tức	%	6-8	6-8	7		

**b. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023)**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch nhiệm kỳ III (2018-2022)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	5.448	4.958	5.416	99	109
-	Đất sản xuất	"	5.448	4.958	5.416	99	109
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	-	-	-		
2	Đào lò tổng số	Mét	95.500	92.850	94.637	99	102
-	Đào lò XDCB	"	-	-	-		
-	Lò CBSX	"	95.500	92.850	94.637	99	102
3	Than NK sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	7.735	7.751	7.930	103	102
-	Than lộ thiên	"	535	486	529	99	109
-	Than hầm lò	"	7.200	7.265	7.400	103	102
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	761	761	871	115	115
-	Than sạch từ than NK	"	761	761	871	115	115
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-	-		
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	7.580	7.584	7.825	103	103
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	857	793	756	88	95
7	Doanh thu	Tỷ đồng	10.125	10.698	11.630	115	109
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	135	164	244	181	148
9	Lao động	Người	3.371	3.371	3.378	100	100
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	14.589	14.689	15.524	106	106
11	Cổ tức	%	6-8	6-8	7		

**2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, nhiệm kỳ 2013-2028:**



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	
			Nhiệm kỳ IV (2023÷ 2028)	Năm 2023
1	Đào lò tổng số	Mét	95.000	19.000
-	Đào lò XDCB	"	-	-
-	Lò CBSX	"	95.000	19.000
2	Than nguyên khai sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	7.500	1.550
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	50	10
-	Than sạch từ than nguyên khai	"	50	10
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-
4	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	7.500	1.550
5	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.000	155
6	Doanh thu	Tỷ đồng	11.000	2.614
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	300	64
8	Lao động định mức	Người	16.500	3.489
9	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	17.500	17.724
10	CỔ tức	%	6 - 8	6 - 8

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a)Phản thảo luận:

-Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, nếu điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ thì báo cáo tập đoàn TKV quyết định điều chỉnh, tăng, giảm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho phù hợp;

-Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 – 2023); Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023-2028).

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành:0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của Thành viên**

**HDQT, BKS Công ty năm 2022 và đề xuất mức thù lao năm 2023.**

Sau khi nghe Ông **Phạm Cẩm Hải** Kế toán trưởng công ty, trình bày Báo cáo tiền lương, thù lao của Thành viên HDQT, BKS Công ty năm 2022 và đề xuất mức thù lao năm 2023.

Nội dung chính:

1. Báo cáo tiền lương, thù lao của TV HDQT và BKS Công ty năm 2022:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	168		168	
3	Thư ký HDQT Cty	1	50,4		50,4	
4	Ban Giám đốc	5,7	2.373	2.373		
	<b>Tổng số</b>		<b>2.877</b>	<b>2.373</b>	<b>504</b>	

2. Quyết nghị mức chi trả thù lao, tiền lương, phụ cấp năm 2023:

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao/Phụ cấp	
1	Hội đồng Quản trị		483,4	115,0	368,4	
-	<i>Chủ tịch HDQT</i>	1	64,8		64,8	
-	<i>Thành viên HDQT</i>	3	165,6		165,6	
-	<i>Thành viên HDQT chuyên trách</i>	1	115,0	115,0	-	Từ T1/2023-:- T5/2023
-	<i>Thành viên HDQT độc lập</i>	1	138,0		138,0	Từ T7/2023
2	Ban Kiểm soát		168,0		168,0	
-	<i>Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV</i>	1	57,6		57,6	
-	<i>UV Ban kiểm soát</i>	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502	2.502		
4	Thư ký Công ty	1	50,4		50,4	
*	<b>Tổng cộng = (1+4)</b>		<b>3.204</b>	<b>2.617</b>	<b>586,8</b>	

3. Phương thức chi trả:

+/- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm : (chia) 12 tháng;



+/ Tiền lương: Hàng tháng Công ty tạm thanh toán tiền lương của tháng đó cho các chức danh HĐQT, Viên chức quản lý và Ban kiểm soát với mức không thấp hơn 80% mức lương hệ số 1 theo giao khoán. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD, quỹ lương được TKV quyết toán theo quy định, Công ty thanh toán số tiền lương còn lại cho các chức danh trên.

+/ Phụ cấp HĐQT độc lập được tạm ứng hàng tháng 80%. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số tiền còn lại cho chức danh HĐQT độc lập.

+/ Thù lao: Đối với các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát là người của Công ty, hàng tháng tạm thanh toán 80% mức thù lao kiêm nhiệm. Cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành công việc, Công ty thanh toán số thù lao còn lại cho các chức danh trên.

Đối với các chức danh kiêm nhiệm HĐQT và Ban kiểm soát là người đại diện của Tập đoàn, thù lao kiêm nhiệm được thanh toán 01 lần vào cuối năm căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD và mức độ hoàn thành công việc của các chức danh.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a)Phân thảo luận:

-Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022 và đề xuất mức thù lao năm 2023.

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành:0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán.**

Sau khi nghe Ông Phạm Cẩm Hải Kế toán trưởng công ty, trình bày báo cáo Tài chính tóm tắt năm 2022; Bà Nguyễn Thị Tâm-Trưởng ban Kiểm soát Công ty trình bày báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty TNHH PKF Việt nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt nam, đúng theo quy định của Pháp luật.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a)Phân thảo luận:

-Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2022

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm



99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không tán thành: 0 Phiếu

- Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 4: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và đề xuất mức chi trả cổ tức năm 2022.**

Sau khi nghe Ông Phạm Cẩm Hải Kế toán trưởng công ty, trình bày phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và đề xuất mức chi trả cổ tức năm 2022. Nội dung chính:

**a) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**

Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đồng)	
<b>I - Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>115.326.526.388</b>	
<b>II - Phân phối lợi nhuận</b>			
<b>1-TK 3334 ( Thuế TNDN 20%* TN chịu thuế + Thuế TNDN theo NĐ 68)</b>		<b>88.693.446.783</b>	
- Thu nhập chịu thuế		440.899.838.767	
<i>* Trong đó:</i>			
+ Lợi nhuận trước thuế		115.326.526.388	
+ Các khoản chi phí không được loại trừ khi tính thuế TNDN		325.573.312.379	
- Thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính Phủ thay thế Nghị định 20/2017/NĐ-CP về giao dịch liên kết		513.479.030	
<b>2-Thuế TNDN hoãn lại</b>		<b>-63.002.822.981</b>	
<b>3- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (I-II.1+II.2) )</b>		<b>89.635.902.586</b>	
<b>4- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước</b>		<b>3.070.091.130</b>	
<b>5- Các khoản giảm LN sau thuế</b>		<b>0</b>	
<b>6- Lợi nhuận phân phối (2+3+4-5)</b>		<b>29.703.170.735</b>	
<b>6.1 Chia cổ tức ( % vốn điều lệ )</b>	7,0%	<b>14.992.842.200</b>	
a. Cổ tức phải trả TKV		9.745.347.430	65,00%
b. Cổ tức phải trả cổ đông #		5.247.494.770	35,00%
<b>6.2 TK 411Quỹ dự trữ BX vốn điều lệ (5%)</b>	5%		
<b>6.3 TK 415(Quỹ DPTC 10%)</b>	10%		
<b>6.4-Lợi nhuận phân phối các quỹ (6-6.1-6.2-6.3 )</b>		<b>14.710.328.535</b>	
a. TK 414 quỹ ĐTPTr ( 6.4*30% )		0	
b. TK 353.4 (Q. thưởng ban ĐHSX) 5% ≤500 triệu		197.718.750	1,0 tháng lương BQ
c. TK 353 quỹ KTPL ( 6.4-a-b )		14.512.609.785	
<i>Trong đó,</i>			
'+ Quỹ khen thưởng	65%	9.433.196.360	
'+ Quỹ phúc lợi	35%	5.079.413.425	



**b) Đề xuất chi trả cổ tức 2022: 7%**

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a)Phản thảo luận:

-Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và đề xuất mức chi trả cổ tức năm 2022.

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành:0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 5: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022. cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023.**

Sau khi nghe Ông Vũ Tiến Quang –Thành viên HĐQT-Chủ tịch Công đoàn Công ty, trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022 cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023. Nội dung chính:

-Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã hoạt động quản lý Công ty phát triển, minh bạch, đúng theo pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện đạt các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội hàng năm đề ra.

-Công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ với nhà nước và đảm bảo quyền lợi Công ty, quyền lợi cho cổ đông.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết

a)Phản thảo luận:

-Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2022 cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành:0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 6: Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả SXKD, thẩm định báo**



**cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2022, cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023.**

Sau khi nghe Bà Nguyễn Thị Tâm-Trưởng ban kiểm soát Công ty, trình bày Báo cáo đánh giá kết quả SXKD, thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2022, cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023.

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết:

a)Phân thảo luận:

-Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua Báo cáo đánh giá kết quả SXKD, thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2022, cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023.

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành:0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 7: Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty.**

Sau khi nghe Ông Ngô Xuân Thủy –Thành viên HĐQT-P.Giám đốc Công ty, trình bày báo cáo về việc Về việc giới thiệu nhân sự để bầu vào HĐQT và BKS Công ty khóa IV nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty, Quy chế Đại hội, Quy chế bầu cử và Thông báo số 1300/TB-TMD ngày 04/5/2023 về việc đề cử, ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin, nhiệm kỳ 2023÷2028 và Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin về việc Báo cáo kết quả tổng hợp danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023÷2028; Căn cứ vào Quyết định số 1054 / QĐ-TKV ngày 29/6/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc cử người đại diện TKV tham gia HĐQT và BKS Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin khóa IV nhiệm kỳ 2023 – 2028; và đề cử của Công ty Raw & Refined Commodities ag danh sách như sau:



STT	Họ và tên	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>	
1	Nguyễn Trọng Tốt	Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam giới thiệu
2	Hoàng Trọng Hiệp	Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam giới thiệu
3	Ngô Xuân Thủy	Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam giới thiệu
4	Vadym D'omin	Công ty Raw & Refined Commodities ag giới thiệu
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	
1	Nguyễn Thị Tâm	Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam giới thiệu
2	Nguyễn Thế Hanh	Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam giới thiệu
3	Nguyễn Tiến Hùng	Ban KS đương nhiệm giới thiệu

Đại hội đồng cổ đông tiến hành bỏ phiếu bầu cử các ứng viên tham gia HĐQT, BKS Công ty với kết quả như sau :

STT	Họ và tên	Số phiếu	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>			
1	Nguyễn Trọng Tốt	30.422.707	169,057	
2	Hoàng Trọng Hiệp	15.441.743	85,808	
3	Ngô Xuân Thủy	11.137.879	61,893	
4	Vadym D'omin	14.979.779	83,24	
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Nguyễn Thị Tâm	17.365.777	96,5	
2	Nguyễn Thế Hanh	17.351.500	96,42	
3	Nguyễn Tiến Hùng	19.269.304	107,07	

Sau khi ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 đã nhóm họp để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát (có biên bản họp riêng).

Kết quả:

- Ông Nguyễn Trọng Tốt được bầu là Chủ tịch HĐQT Công ty, với số phiếu bầu là  $4/4 = 100\%$ ;

- Bà Nguyễn Thị Tâm được bầu là Trưởng Ban kiểm soát Công ty, với số phiếu bầu là  $3/3 = 100\%$ ;

\*Kết quả biểu quyết:

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành: 0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Nội dung 8: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo Tài chính**



**năm 2023.**

Sau khi nghe Bà Nguyễn Thị Tâm-Trưởng ban kiểm soát Công ty Báo cáo đề xuất lựa chọn Danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023: Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 gồm:

1. Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Địa chỉ: số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

2. Công ty TNHH PKF Việt Nam

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, P. Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

(Có hồ sơ năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập kèm theo)

Đại hội giao Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 theo quy định hiện hành.

a) Phần thảo luận:

-Ý kiến khác phát biểu tại Đại hội: Không có.

b) Đại hội đã tiến hành biểu quyết thông qua lựa chọn Danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 33 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 99,9267 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành: 0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 01 Phiếu đại diện cho 13.187 cổ phần chiếm 0,0733 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Vậy nội dung này được thông qua với tỷ lệ 99,9267 % cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**V/ Thủ tục Bế mạc Đại Hội**

1. Ông Nguyễn Thế Hanh –Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản và các Quyết nghị của Đại hội:

2. Ông Trần Thế Thành-Chủ tọa Đại hội Thông qua Đại hội dự thảo Biên bản và Nghị Quyết Đại hội.

-Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 34 phiếu

-Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 Phiếu

\*Kết quả biểu quyết:

-Tổng số phiếu tán thành: 35 Phiếu đại diện cho 17.995.527 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

-Tổng số phiếu không tán thành: 0 Phiếu

-Tổng số phiếu không ý kiến: 0 Phiếu

Đại hội giao cho Chủ tọa - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký, ban hành Biên bản và Nghị quyết của Đại hội để triển khai thực hiện.



3. Ông Trần Thế Thành –Thay mặt Ban tổ chức làm các thủ tục tuyên bố bế mạc đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin kết thúc vào hồi 11h30' cùng ngày ./.

**Nơi nhận:**

- UBCK NN, Sở GD&ĐT HN, TTLK Việt Nam (b/c);
- Tập đoàn CNThan-KS Việt Nam (B/c)
- Các CĐ của Cty;
- Thành Viên HĐQT, BKS, BGD, KTT
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: VT; HĐQT.

**THƯ KÝ**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Thế Hanh**



**Trần Thế Thành  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 27/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua;

Căn cứ Biên bản số: 90 /BB-ĐHĐCĐ, ngày 30/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 – 2023); Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023-2028) của Công ty với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

**1. Kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ III năm 2018-2023.**

a) Năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bóc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	197	176	176	89	100
-	Đất sản xuất	"	197	176	176	89	100
2	Đào lò tổng số	Mét	18.800	19.200	19.838	106	103
-	Đào lò XD CB	"	-	-	-		
-	Lò CBSX	"	18.800	19.200	19.838	106	103
3	Than NK sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	1.525	1.551	1.432	94	92
-	Than lộ thiên	"	25	26	26	105	100
-	Than hầm lò	"	1.500	1.525	1.529	102	100
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	38	38	68	182	182



-	Than sạch từ than NK	"	38	38	68	182	182
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-	-		
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	1.523	1.523	1.583	104	104
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	65	91	97	150	107
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.277	2.277	2.805	123	123
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	29	59	116	394	197
9	Lao động định mức	Người	3.473	3.473	3.418	98	98
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.t h	16.175	16.175	17.644	109	109
11	Cổ tức	%	6-8	6-8	7		

**b. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023)**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch nhiệm kỳ III (2018-2022)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	5.448	4.958	5.416	99	109
-	Đất sản xuất	"	5.448	4.958	5.416	99	109
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	-	-	-		
2	Đào lò tổng số	Mét	95.500	92.850	94.637	99	102
-	Đào lò XDCB	"	-	-	-		
-	Lò CBSX	"	95.500	92.850	94.637	99	102
3	Than NK sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	7.735	7.751	7.930	103	102
-	Than lộ thiên	"	535	486	529	99	109
-	Than hầm lò	"	7.200	7.265	7.400	103	102
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	761	761	871	115	115
-	Than sạch từ than NK	"	761	761	871	115	115
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-	-		
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	7.580	7.584	7.825	103	103
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	857	793	756	88	95
7	Doanh thu	Tỷ đồng	10.125	10.698	11.630	115	109

8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	135	164	244	181	148
9	Lao động	Người	3.371	3.371	3.378	100	100
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.t h	14.589	14.689	15.524	106	106
11	Cổ tức	%	6-8	6-8	7		

## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	
			Nhiệm kỳ IV (2023÷ 2028)	Năm 2023
1	Đào lò tổng số	Mét	95.000	19.000
-	Đào lò XDCB	"	-	-
-	Lò CBSX	"	95.000	19.000
2	Than nguyên khai sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	7.500	1.550
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	50	10
-	Than sạch từ than nguyên khai	"	50	10
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-
4	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	7.500	1.550
5	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.000	155
6	Doanh thu	Tỷ đồng	11.000	2.614
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	300	64
8	Lao động định mức	Người	16.500	3.489
9	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	17.500	17.724
10	Cổ tức	%	6 - 8	6 - 8

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, nếu điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ thì báo cáo Tập đoàn TKV quyết định điều chỉnh, tăng, giảm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

### Điều 2. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022 và đề xuất mức thù lao năm 2023

1. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của TV HĐQT và BKS Công ty năm 2022:



Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS Công ty năm 2020 như sau

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	168		168	
3	Thư ký HĐQT Cty	1	50,4		50,4	
4	Ban Giám đốc	5,7	2.373	2.373		
	<b>Tổng số</b>		<b>2.877</b>	<b>2.373</b>	<b>504</b>	

2. Quyết nghị mức chi trả thù lao, tiền lương năm 2023:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao/Phụ cấp	
1	Hội đồng Quản trị		483,4	115,0	368,4	
-	<i>Chủ tịch HĐQT</i>	1	64,8		64,8	
-	<i>Thành viên HĐQT</i>	3	165,6		165,6	
-	<i>Thành viên HĐQT chuyên trách</i>	1	115,0	115,0	-	Từ T1/2023- ;- T5/2023
-	<i>Thành viên HĐQT độc lập</i>	1	138,0		138,0	Từ T7/2023
2	Ban Kiểm soát		168,0		168,0	
-	<i>Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV</i>	1	57,6		57,6	
-	<i>UV Ban kiểm soát</i>	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502	2.502		
4	Thư ký Công ty	1	50,4		50,4	
*	<b>Tổng cộng = (1÷4)</b>		<b>3.204</b>	<b>2.617</b>	<b>586,8</b>	

3. Phương thức chi trả: Hằng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGD, thư ký Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD năm của Công ty, Quyết toán khoản chi phí năm TKV phê duyệt.

**Điều 3. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công**

ty TNHH PKF Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty TNHH PKF Việt nam thực hiện kiểm toán (có Báo cáo kèm theo).

**Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và đề xuất mức chi trả cổ tức năm 2022**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và đề xuất mức chi trả cổ tức năm 2022 như sau:

**a) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**

Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đồng)	
<b>I - Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>115.326.526.388</b>	
<b>II - Phân phối lợi nhuận</b>			
<b>1-TK 3334 ( Thuế TNDN 20%* TN chịu thuế + Thuế TNDN theo NĐ 68)</b>		<b>88.693.446.783</b>	
- Thu nhập chịu thuế		440.899.838.767	
<i>* Trong đó:</i>			
+ Lợi nhuận trước thuế		115.326.526.388	
+ Các khoản chi phí không được loại trừ khi tính thuế TNDN		325.573.312.379	
- Thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính Phủ thay thế Nghị định 20/2017/NĐ-CP về giao dịch liên kết		513.479.030	
<b>2-Thuế TNDN hoãn lại</b>		<b>-63.002.822.981</b>	
<b>3- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (I-II.1+II.2) )</b>		<b>89.635.902.586</b>	
<b>4- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước</b>		<b>3.070.091.130</b>	
<b>5- Các khoản giảm LN sau thuế</b>		<b>0</b>	
<b>6- Lợi nhuận phân phối (2+3+4-5)</b>		<b>29.703.170.735</b>	
<b>6.1 Chia cổ tức ( % vốn điều lệ )</b>	7,0%	<b>14.992.842.200</b>	
a. Cổ tức phải trả TKV		9.745.347.430	65,00%
b. Cổ tức phải trả cổ đông #		5.247.494.770	35,00%
<b>6.2 TK 411Quỹ dự trữ BX vốn điều lệ (5%)</b>	5%		
<b>6.3 TK 415(Quỹ DPTC 10%)</b>	10%		
<b>6.4-Lợi nhuận phân phối các quỹ (6-6.1-6.2-6.3 )</b>		<b>14.710.328.535</b>	
a. TK 414 quỹ ĐTPTr ( 6.4*30% )		0	
b. TK 353.4 (Q. thưởng ban ĐHSX) 5% ≤500 triệu		197.718.750	1,0 tháng lương BQ
c. TK 353 quỹ KTPL ( 6.4-a-b )		14.512.609.785	
<i>Trong đó,</i>			
'+ Quỹ khen thưởng	65%	9.433.196.360	
'+ Quỹ phúc lợi	35%	5.079.413.425	

**b) Đề xuất chi trả cổ tức 2022: 7 %**



**Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023.**

**Điều 6. Thông qua Báo cáo đánh giá kết quả SXKD, thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và đánh giá công tác quản lý Công ty của HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty trong năm 2022, cả nhiệm kỳ III năm 2018-2023.**

**Điều 7. Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty.**

Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát của Công ty như sau:

- Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch	
2	Hoàng Trọng Hiệp	Thành viên	
3	Ngô Xuân Thủy	Thành viên	
4	Vadym Domin	Thành viên	

- Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban	
2	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên	
3	Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên	

**Điều 8. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2023.**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 gồm:

**1. Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC**

Địa chỉ: Địa chỉ: số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

**2. Công ty TNHH PKF Việt Nam**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành**

Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

(Có hồ sơ năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập kèm theo)

Đại hội giao Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng chuyên môn lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 theo quy định hiện hành.

**Điều 9. Điều khoản thi hành:**

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin năm 2023 thông qua một cách hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện một cách cẩn trọng và có trách nhiệm những nội dung đã được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích các cổ đông, của Công ty và phù hợp với các quy định của Pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội, TTLK Việt Nam (B/c)
- Tập đoàn TKV (B/c);
- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT, BKS, Giám đốc, PGĐ, KTT
- Đăng trên trang Web;
- Lưu: VT; HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Trần Thế Thành  
CHỦ TỊCH HĐQT**



Số: 2035 / BC -TMD

Cám phá, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Về việc giới thiệu nhân sự để bầu vào HĐQT và**  
**BKS Công ty khóa IV nhiệm kỳ 2023 - 2028**

Kính gửi:

- Các Quý vị cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2021.

Căn cứ vào Quyết định số 1054 / QĐ-TKV ngày 29/6/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc cử người đại diện TKV tham gia HĐQT và BKS Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin khóa IV nhiệm kỳ 2023 – 2028;

Căn cứ vào danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 25/5/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập tại văn bản số V877 /2023-MDC/VSD-ĐK ngày 29/5/2023;

Hiện tại Công ty có 02 cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đang sở hữu 13.921.925 cổ phần tương đương 65% vốn điều lệ Công ty. Và Công ty Raw & Refined Commodities ag –Thụy sĩ: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, tương đương 16,99 % vốn điều lệ Công ty giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV (2023-2028) gồm các ông bà sau:

**\*Tham gia ứng cử HĐQT 04 người có lý lịch tóm tắt kèm theo gồm:**

- Ông Nguyễn Trọng Tốt – Trưởng ban QLV Tập đoàn, là người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin;
- Ông Hoàng Trọng Hiệp – Người đại diện TKV , Giám đốc Công ty
- Ông Ngô Xuân Thủy - Người đại diện TKV , Phó Giám đốc Công ty
- Ông VaDym D’omin – Thành viên HĐQT Công ty;

**\*Tham gia ứng cử BKS 02 người có lý lịch tóm tắt kèm theo gồm:**

- Bà Nguyễn Thị Tâm – Người Đại diện TKV- Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Thế Hanh – Người Đại diện TKV- Thành viên Ban Kiểm soát.

Như vậy tính đến thời điểm này danh sách cổ đông do trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam cung cấp, không có cổ đông hay nhóm cổ đông nào sở hữu hoặc đại



diện đủ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, gửi văn bản giới thiệu người tham gia ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT, BKS Công ty khóa IV nhiệm kỳ (2023 -2028) tới ban tổ chức. Do vậy về nhân dự cho nhiệm kỳ mới còn thiếu 02 ứng viên để bầu vào HĐQT và 01(một) ứng viên để bầu vào BKS nhiệm kỳ này.

Căn cứ vào khoản 3 điều 25 và khoản 3 điều 36 của Điều lệ Công ty quy định : “Trưởng hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT hoặc BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT hoặc BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT hoặc BKS đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT hoặc BKS phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử”.

Vì vậy HĐQT và BKS đương nhiệm của Công ty thống nhất đưa ra cơ chế đề cử, đồng thời giới thiệu thêm 01 ứng viên tham gia HĐQT và 01 ứng viên tham gia BKS như sau:

**1. Cơ chế đề cử:**

- Các ứng viên làm thành viên HĐQT hoặc BKS phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Điều 155, Điều 103 Luật doanh nghiệp.
- Với ứng viên HĐQT do ít nhất 3/5 thành viên HĐQT đương nhiệm giới thiệu.
- Với ứng viên BKS do ít nhất 2/3 thành viên BKS đương nhiệm giới thiệu.

**2. Họ và tên 01 ứng viên đề cử để bầu thành viên HĐQT:**

- Về nhân sự thành viên độc lập HĐQT Hiện tại chưa lựa chọn được ứng viên Công ty xin phép để trống Thành viên độc lập HĐQT và tiếp tục lựa chọn ứng viên trong các lần Đại hội tiếp theo.

**3. Họ và tên 01 ứng viên đề cử để bầu thành viên BKS:**

- Ông Nguyễn Tiến Hùng – Nhân viên Phòng Kế hoạch (Có lý lịch tóm tắt kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin, kính mong Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án đề cử nhân sự để bầu vào HĐQT và BKS Công ty khóa IV nhiệm kỳ 2023-2028.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS.
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CP THAN MÔNG DƯƠNG - VINACOMIN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Số: 2034/BC- BKS

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2023.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin; Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Ban kiểm soát Công ty đề xuất tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty thông qua danh sách Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC và thực hiện việc kiểm toán khác năm 2023 của Công ty, danh sách cụ thể như sau:

**1. Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC**

Địa chỉ: Địa chỉ: số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

**2. Công ty TNHH PKF Việt Nam**

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành**

Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

(Có hồ sơ năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập kèm theo)

**Lý do đề xuất các Công ty kiểm toán trên:**

- Là những Công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán Báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 theo công bố của Bộ Tài chính và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên Website của UBCKNN.

- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin về phạm vi, tiến độ kiểm toán.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi,
- Lưu VP, BKS, HĐQT.



Nguyễn Thị Tâm

Số: 2033/BC-TMD

Cám Phả, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Về việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022**  
**của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2021;

Căn cứ quy chế Tổ chức và Hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

Ban kiểm soát báo cáo về hoạt động năm 2022 và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát**

**1.1. Nhân sự của Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu từ ngày 24/4/2018 bao gồm các thành viên:

- Bà: Nguyễn Thị Tâm - Trưởng Ban.
- Ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên.
- Bà Dương Hải Yên - Thành viên.

**1.2. Nội dung kiểm soát**

- Xây dựng kế hoạch kiểm soát hàng năm;
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban để thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát.

- Định kỳ hàng quý và năm Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát các lĩnh vực hoạt động của Công ty (theo kế hoạch đã lập).

**1.3. Kết quả hoạt động SXKD năm 2022.**

- Than NK sản xuất: Thực hiện 1.555.397T/KH: 1.551.300T đạt 100,3%KH năm, (bằng 97,18% so với cùng kỳ năm 2021); Trong đó:

+Than SX hầm lò: Thực hiện 1.529.121T/KH: 1.525.000T đạt 100,3%KH năm (bằng 98,94% so với cùng kỳ năm 2021).



+ Than SX LT (thuê thầu): Thực hiện 26.276T/KH: 26.300T đạt 99,9% KHĐC năm (bằng 47,8% so với cùng kỳ năm 2021).

- Đào lò CBSX: Thực hiện 19.838 m/KH: 19.200m đạt 103,3% KH năm (bằng 96,73 % so với cùng kỳ năm 2021); trong đó:

+ Nội bộ: Thực hiện 18.049 m/KH: 16.400m đạt 112,8% KH năm (bằng 101,85% so với cùng kỳ năm 2021).

+Thuê ngoài: Thực hiện 1.789m/KH: 2.800m đạt 63,9% KH năm (bằng 84,11% so với cùng kỳ năm 2021).

- Mét lò neo thực hiện: 3.009m/KH: 5.000m đạt 60,2% KH năm (bằng 84,64% so với cùng kỳ năm 2021).

- Đất bóc: Thực hiện 175.901m<sup>3</sup>/KH: 176.000m<sup>3</sup> đạt 99,9% KH năm, (bằng 52,17% so với cùng kỳ năm 2021)

- Than tiêu thụ: Tổng số thực hiện 1.582.917T/KH: 1.522.500T đạt 104% KH năm (bằng 99,75% cùng kỳ năm 2021); Trong đó:

+ Than NK giao NMT thực hiện 1.507.731T/KH: 1.485.000T đạt 101,5% KH năm (bằng 109,19% so với cùng kỳ năm 2021).

+ Than sạch giao KV thực hiện 73.772/KH: 37.500T đạt 196,7% KH năm (bằng 36,0% so với cùng kỳ năm 2021).

- Tồn kho: 17.498 tấn bằng 41% so cùng kỳ năm 2021.

- Doanh thu: Doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.787,8 tỷ đồng/KH: 2.276,9 tỷ đạt 122,4% KH bằng 121,2% so với cùng kỳ năm 2021.

## **2. Thảm định báo cáo tài chính:**

### **2.1. Về kiểm toán BCTC 2022:**

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF thời điểm ngày 31/12/2022.

- Công tác hạch toán theo quy định, không có sai sót trọng yếu, thời gian lập và gửi báo cáo Tài chính các quý và năm kịp thời, đúng mẫu biểu quy định.

- Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả, đối chiếu công nợ... theo các quy định và hướng dẫn của Tập đoàn.

### **2.2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:**

#### **2.2.1. Về cơ cấu tài chính**

- Hệ số nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: Năm 2022 là 0,87 lần, năm 2021 là 0,51 lần, Tăng 0,36 lần so với năm 2021

- Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH: Năm 2022 là 3,59 lần, năm 2021 là 3,55 lần, tăng 0,04 lần so với năm 2021 và giảm 1,09 lần so với thông báo kế hoạch các chỉ tiêu tài chính năm 2022 của TKV (4,68 lần).

#### **2.2.2. Về khả năng thanh toán:**



- Hệ số thanh toán tổng quát: Năm 2022 là 1,28 lần, năm 2021 là 1,28 lần, không tăng so với năm 2021.

- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: Năm 2022 là 0,87 lần, năm 2021 là 0,51 lần, tăng 0,36 lần so với năm 2021; thực hiện tốt hơn theo thông báo kế hoạch các chỉ tiêu tài chính năm 2022 của TKV (theo KH là 0,50 lần).

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: Năm 2022 là 0,80 lần, năm 2021 là 0,46 lần, tăng 0,34 lần so với năm 2021.

### 2.2.3. Về hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2022 đạt 3,2 % tăng so với năm 2021 là 1,76 % (năm 2021 là 1,44 %);

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản năm 2022 đạt 6.2 % tăng so với năm 2021 là 3,4 % (năm 2020 là 2,8 %);

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2022 đạt 28,48 % tăng so với năm 2021 là 15,85 % (năm 2021 là 12,63 %);

- Khả năng bảo toàn vốn: Năm 2022, lợi nhuận sau thuế TNDN là 89,636 tr.đồng. Công ty đã trích lập dự phòng, mua bảo hiểm tài sản theo quy định. Công ty bảo toàn được vốn TKV giao.

## 3. Xếp loại doanh nghiệp 2022

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>214.183</b>
	Trong đó: + Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn	%	65
	+ Giá trị vốn góp của Tập đoàn	Tr.đồng	139.219
<b>II</b>	<b>ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP</b>		
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác</b>		
A	Kế hoạch doanh thu năm báo cáo	Tr.đồng	2.276.961
B	Tổng Doanh thu thực hiện năm báo cáo: (Bao gồm: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10) + Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21) + Thu nhập khác (Mã số 31))	Tr.đồng	2.804.988
C	Tỷ lệ % Thực hiện/ kế hoạch ( $c=b/a*100$ )	%	123,19
	<b>Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 1:</b>	<b>A, B, C</b>	<b>A</b>
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu 2: Tỷ suất LN sau thuế trên VCSH bình quân</b>		
<b>2.1.</b>	<b>Lợi nhuận kế hoạch</b>		
A	Kế hoạch lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	58.695
B	Vốn CSH bình quân kế hoạch:	Tr.đồng	221.015
<b>C</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận KH/Vốn CSH bình quân KH</b> ( $c=a/b*100$ )	%	<b>26,56</b>
<b>2.2.</b>	<b>Lợi nhuận thực hiện</b>		
D	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	Tr.đồng	89.636



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
E	Vốn chủ sở hữu bình quân thực hiện: (Tổng (Vốn góp của CSH (Mã số 411) + Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 418) + Nguồn vốn đầu tư XDCB (Mã số 422)	Tr.đồng	221.015
F	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân thực hiện ( $f = d/e * 100$ )	%	40,6
2.3.	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/Tỷ suất Lợi nhuận kế hoạch (2.3 = $f/c * 100$ )	%	1,53
	Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 2:	A, B, C	A
3	Chỉ tiêu 3: Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn		
A	Nợ phải trả quá hạn (theo công ty báo cáo)	Tr.đồng	0
B	Tài sản ngắn hạn (MS 100-BCĐKT)	Tr.đồng	758.346
C	Nợ ngắn hạn (MS 310-BCĐKT)	Tr.đồng	867.168
D	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn ( $d=b/c$ )	Lần	0,87
	Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 3	A, B, C	A
4	Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật		
+	Công ty báo cáo trong năm 2022, Công ty có/không có vi phạm chế độ chính sách.	01	Có
	Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 4	A, B, C	B
5	Tổng hợp dự kiến xếp loại doanh nghiệp năm 2022		B

Công ty đã lập báo cáo giám sát theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP; Thông tư 200/2014/TT-BTC, thông tư 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 về sửa đổi một số nội dung tại TT 200/2015/TT-BTC; Quyết định 2148/QĐ-TKV ngày 22/12/2020 của TKV về đánh giá xếp loại doanh nghiệp và giám sát tài chính doanh nghiệp.

\*Thực hiện các kiến nghị của các cơ quan Thuế, Thanh tra, Kiểm toán năm 2022: Trong năm 2022, Công ty đã nộp phạt vi phạm hành chính về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, cụ thể: Quyết định số 11477/QĐ-CTQNI ngày 29/12/2022 phạt vi phạm hành chính về thuế với số tiền 4.000.000 đồng; Quyết định 1645/QĐ-CTQNI ngày 07/3/2023 phạt vi phạm hành chính về thuế với số tiền 210.884.210 đồng.

#### 4. Phân phối lợi nhuận năm 2022.

Nội dung	Chỉ tiêu	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đồng)
I. Lợi nhuận trước thuế		115.326.526.388
II. Phân phối lợi nhuận		
1. Thuế TNDN hiện hành		88.693.446.783
2. Thuế TNDN hoãn lại		(63.002.822.981)

Nội dung	Chỉ tiêu	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đồng)
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN (I-II.1+II.2)		89.635.902.586
4. Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước		3.070.091.130
5. Lợi nhuận phân phối (2+3+4)		29.703.170.735
5.1 Chia cổ tức (% vốn điều lệ)	7,0%	14.992.842.200
a. Cổ tức phải trả TKV		9.745.347.430
b. Cổ tức phải trả cổ đông #		5.247.494.770
5.2. Lợi nhuận phân phối các quỹ (6-6.1-6.2-6.3)		14.710.328.535
a. TK 414 quỹ ĐTP	0%	0
b. TK 353.4 (Q. thưởng ban ĐHSX) 5% ≤500 triệu	01th lương bq	197.718.750
c. TK 353 quỹ KTPL 5.2-a-b)		14.512.609.785
Trong đó,		
+ Quỹ khen thưởng	65%	9.433.196.360
+ Quỹ phúc lợi	35%	5.079.413.425

**Nơi nhận:**

- B/c TKV (ecopy);
- HĐQT, BKS (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Tâm**



Số: **2032** /BC-TMD

Cám Phả, ngày **30** tháng **6** năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM  
ĐỐC CÔNG TY NĂM 2022 VÀ NHIỆM KỲ III NĂM 2018-2023**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2021;

Căn cứ quy chế Tổ chức và Hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

Thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty báo cáo, trình Đại hội kết quả giám sát năm 2022 và nhiệm kỳ 2018-2023 cụ thể như sau:

**PHẦN I**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.**

**1. Nhân sự của Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát Công ty được Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu từ ngày 24/4/2018 bao gồm các thành viên:

- 1.1. Bà: Nguyễn Thị Tâm - Trưởng Ban.
- 1.2. Ông Nguyễn Thế Hanh - Thành viên.
- 1.3. Bà Dương Hải Yến - Thành viên.

**2. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát.**

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đã họp và thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban theo Biên bản phân công nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Định kỳ hàng quý và năm Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo nội dung đã phân công.

Các thành viên Ban kiểm soát tự chịu trách nhiệm trước các lĩnh vực được giao. Chủ động kiểm soát các lĩnh vực được phân công hoặc phối kết hợp với các thành viên trong ban, với hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để thực thi nhiệm vụ.



Trong quá trình kiểm tra, giám sát, các thành viên Ban kiểm soát không được làm ảnh hưởng đến công việc SXKD bình thường của Công ty.

Chủ động kiến nghị với HĐQT và Ban giám đốc Công ty những vi phạm phát hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm về số liệu, tài liệu báo cáo.

### **3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Công ty:**

Ban kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo đúng Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban, cụ thể:

- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT thông qua việc thực hiện các văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty thông qua việc thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các văn bản quản lý khác của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty.
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo Giám sát, Báo cáo công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trình HĐQT Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước.
- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động.
- Giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ,...
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty khi được mời với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.
- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban GD Công ty và các Cổ đông.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.
- Quá trình thực hiện từng thành viên Ban kiểm soát đã phối hợp thực hiện công việc đảm bảo theo phân công nhiệm vụ và Điều lệ công ty.

## **PHẦN II**

### **KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty.**



Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo hoạt động năm 2022 và nhiệm kỳ 2018-2023 của HĐQT và nhất trí với các nội dung của báo cáo này, kết hợp với việc giám sát của Ban kiểm soát, có một số đánh giá như sau:

HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định và giám sát việc thực hiện.

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện 59 phiên họp, cả nhiệm kỳ đã tổ chức 194 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết chỉ đạo, điều hành trong các lĩnh vực quản lý của Công ty như sau: <sup>(i)</sup> Giám sát, quản lý điều hành SXKD; <sup>(ii)</sup> Công tác phê duyệt quyết định và quản lý ĐTXD; <sup>(iii)</sup> Công tác tổ chức sản xuất; <sup>(iv)</sup> Tổ chức cán bộ, quản lý lao động tiền lương và thực hiện chính sách với người lao động; <sup>(v)</sup> Công tác Quản lý tài chính, quản trị Công ty; <sup>(vi)</sup> Thực hiện ban hành các quy chế quản lý nội bộ; <sup>(vii)</sup> Tổ chức và giám sát thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và quyền lợi ích của các cổ đông;

Nghị quyết của HĐQT Công ty được ban hành trên cơ sở các nội dung đã được chuẩn bị đầy đủ, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD tuân thủ các quy định và triển khai kịp thời các văn bản, quy định của TKV trong quá trình thực hiện điều hành SXKD của Công ty.

## **2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban Giám đốc Công ty:**

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SXKD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật DN và Điều lệ Công ty.

Tổ chức triển khai nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT Công ty và Kế hoạch PHKD Tập đoàn giao.

Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy chế quản lý được quy định tại Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quy chế người đại diện của TKV ban hành. Điều hành Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chiến lược, định hướng, kế hoạch do TKV giao, đảm bảo tuân thủ hệ thống quản lý và kỷ luật điều hành của TKV, đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm và thu nhập cho người lao động.

Ban giám đốc đã kịp thời đề xuất với HĐQT Công ty những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền. Chủ động điều hành hoạt động SXKD theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và các Quyết định của HĐQT.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 và cuộc xung đột ở Nga - Ucraina làm ảnh hưởng đến giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao... Tuy nhiên, Ban Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty đã tạo được sự đoàn kết trong nội bộ để thực hiện tốt nhiệm vụ Tập đoàn giao, Ban giám đốc đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời, điều hành những vấn



đề phát sinh trong quản lý, đã đề ra và tổ chức thực hiện có hiệu quả để hoàn thành và hoàn thành vượt các chỉ tiêu SXKD mà ĐHĐCĐ đã ban hành. Cụ thể:

- Xây dựng, ban hành các quy định, nội quy của Công ty phù hợp với tình hình thực tế SXKD làm tiền đề cho các mặt quản lý và tổ chức thực hiện của Công ty.

- Triển khai kế hoạch SXKD bằng cơ chế chính sách và giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị: Phòng, phân xưởng., thực hiện quyết toán khoán hàng tháng theo đúng Quy chế khoán của Công ty.

- Hệ thống điều hành chỉ huy sản xuất được tiếp tục củng cố để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, điều hành sản xuất ngày càng nhịp nhàng có tính kế hoạch cao, giảm thiểu mọi ách tắc, trong đó điều hành khâu bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và vận tải trong lò giữ một vai trò quan trọng.

- Công tác dân chủ trong Công ty được chú trọng từ đó đã phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị

- Tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo phân cấp, các quyết định đầu tư đúng thẩm quyền. Trong năm 2022 Công ty tiếp tục đầu tư mới 01 lò chợ giá khung xích nâng tổng số lò chợ giá khung xích của công ty lên 2 lò chợ. Việc thành công của công tác cơ giới hóa trong khai thác than lò chợ của Công ty khẳng định thêm chủ trương đúng đắn của Tập đoàn và Công ty, sang năm 2023 Công ty tiếp tục triển khai đầu tư thêm 1 lò chợ giá khung xích để thay thế dần công nghệ chống giữ bằng giá XDY đã cũ và lạc hậu.

- Tổ chức thực hiện đảm bảo trong các mặt công tác quản trị các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật công nghệ, quản lý khối lượng mỏ, thuê ngoài, quản lý ranh giới mỏ, AT, ANTT và môi trường,... theo quy định.


- Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, nâng lương, nâng bậc,... được thực hiện theo Quy chế, quy định Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn, Nhà nước đảm bảo dân chủ, công khai và minh bạch.

**\*Tóm lại:** Trong năm 2022 và nhiệm kỳ năm 2018 – 2023, HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác trong Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc quản lý, điều hành SXKD để Công ty đạt được sự tăng trưởng cao, tạo được sự ổn định cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

Năm 2022 và cả nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã cố gắng để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty. Đạt được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của từng thành viên, Ban kiểm soát còn nhận được sự ủng hộ của HĐQT, Ban Giám đốc, sự phối hợp của các phòng ban trong Công ty và của các cổ đông. Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp đó, mong muốn trong năm 2023 và các năm tiếp theo của nhiệm kỳ Ban kiểm soát sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác hơn nữa để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình vì lợi ích của Công ty và quyền lợi của các cổ đông.



Nhân dịp tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, thay mặt các thành viên Ban Kiểm soát Công ty, Tôi xin chúc sức khoẻ các Quý cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./. 

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- P. CV (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



**Nguyễn Thị Tâm**

Số: 2031/BC-TMD

Cám Phá, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Về việc chi trả tiền lương đối với người quản lý,  
thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách**

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông.

**1. Chi trả tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2022:**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin năm 2022; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm 2022. Mức tiền lương đối với người quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát không chuyên trách, thư ký HĐQT công ty năm 2022 của Công ty được chi trả như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	168		168	
3	Thư ký HĐQT Cty	1	50,4		50,4	
4	Ban Giám đốc	5,7	2.373	2.373		
	<b>Tổng số</b>		<b>2.877</b>	<b>2.373</b>	<b>504</b>	

**2. Kế hoạch tiền lương đối với người quản lý và thù lao, phụ cấp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký Công ty năm 2023 như sau:**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023; Căn cứ hướng dẫn của Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Quyết định số 685/QĐ-TKV ngày 23/4/2019; Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019; Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021; Công văn số 79/TKV-KH ngày 10/01/2023 của TKV để xây dựng mức lương đối với người quản lý quản lý. Mức tiền lương, thù lao, phụ cấp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty dự kiến như sau:



ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Trđ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao/Phụ cấp	
1	Hội đồng Quản trị		483,4	115,0	368,4	
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	Thành viên HĐQT	3	165,6		165,6	
-	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	115,0	115,0	-	Từ T1/2023- :- T5/2023
-	Thành viên HĐQT độc lập	1	138,0		138,0	Từ T7/2023
2	Ban Kiểm soát		168,0		168,0	
-	Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm), xếp bậc 2/2 thang bảng lương của TKV	1	57,6		57,6	
-	UV Ban kiểm soát	2	110,4		110,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.502	2.502		
4	Thư ký Công ty	1	50,4		50,4	
*	<b>Tổng cộng = (1÷4)</b>		<b>3.204</b>	<b>2.617</b>	<b>586,8</b>	

• Phương thức chi trả:

- Tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng = Tiền lương, thù lao, phụ cấp năm : (chia) 12 tháng;

- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, thư ký Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao, phụ cấp tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD năm của Công ty, Quyết toán khoản chi phí năm TKV phê duyệt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (ecopy);
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy);
- GĐ, Các PGĐ, KTT (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Trần Thế Thành

Số 2030/TTr- TMD

Cảm phá, ngày 30 tháng 6 năm 2023

## TỜ TRÌNH

### Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và đề xuất chi trả cổ tức 2023

Kính gửi : Quý cổ đông công ty

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả thực hiện SXKD năm 2022, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và chế độ tài chính kế toán hiện hành;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và đề xuất chi trả cổ tức 2023 như sau:

#### I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đồng)	
<b>I - Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>115.326.526.388</b>	
<b>II - Phân phối lợi nhuận</b>			
<b>1-TK 3334 ( Thuế TNDN 20%* TN chịu thuế + Thuế TNDN theo NĐ 68)</b>		<b>88.693.446.783</b>	
- Thu nhập chịu thuế		440.899.838.767	
<i>* Trong đó:</i>			
+ Lợi nhuận trước thuế		115.326.526.388	
+ Các khoản chi phí không được loại trừ khi tính thuế TNDN		325.573.312.379	
- Thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính Phủ thay thế Nghị định 20/2017/NĐ-CP về giao dịch liên kết		513.479.030	
<b>2-Thuế TNDN hoãn lại</b>		<b>-63.002.822.981</b>	
<b>3- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (I-II.1+II.2) )</b>		<b>89.635.902.586</b>	
<b>4- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước</b>		<b>3.070.091.130</b>	
<b>5- Các khoản giảm LN sau thuế</b>		<b>0</b>	
<b>6- Lợi nhuận phân phối (2+3+4-5)</b>		<b>29.703.170.735</b>	
<b>6.1 Chia cổ tức ( % vốn điều lệ )</b>	7,0%	<b>14.992.842.200</b>	
a. Cổ tức phải trả TKV		9.745.347.430	65,00%
b. Cổ tức phải trả cổ đông #		5.247.494.770	35,00%



Nội dung	Chỉ tiêu		Ghi chú
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (Đồng)	
6.2 TK 411 Quỹ dự trữ BX vốn điều lệ (5%)	5%		
6.3 TK 415 (Quỹ DPTC 10%)	10%		
<b>6.4-Lợi nhuận phân phối các quỹ (6-6.1-6.2-6.3 )</b>		<b>14.710.328.535</b>	
a. TK 414 quỹ ĐTPTr ( 6.4*30% )		0	
b. TK 353.4 (Q. thưởng ban ĐHSX) 5% ≤500 triệu		197.718.750	1,0 tháng lương BQ
c. TK 353 quỹ KTPL ( 6.4-a-b )		14.512.609.785	
<i>Trong đó,</i>			
'+ <i>Quỹ khen thưởng</i>	65%	9.433.196.360	
'+ <i>Quỹ phúc lợi</i>	35%	5.079.413.425	

**Tổ chức chi trả cổ tức năm 2022:** Thời điểm chốt danh sách cổ đông và chi trả Cổ tức bằng tiền cho các cổ đông vào cuối quý III năm 2023. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức hoàn tất thủ tục và chi trả theo Luật Chứng khoán và Luật Kế toán Tài chính hiện hành.

**II. Đề xuất chi trả cổ tức 2023:** Mức trả cổ tức dự kiến 6 - 8 % trên vốn điều lệ. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ./.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông của công ty;
- Ủy viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Văn phòng (Đăng trên Website)
- Lưu VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**

Số: 2029/BC-TMD

Cám phá, ngày 30 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính gửi : Các cổ đông Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2021.

Thực hiện Điều 15 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty V/v thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). Công ty xin được báo cáo trước ĐHCĐ tóm tắt các số liệu chủ yếu của BCTC năm 2022 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán tại báo cáo số 71/2023/BCKT-PKF.VPC ngày 20/3/2022.

Theo đó báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

### A. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	MÃ	THUYẾT	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
	SỐ	MINH		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	-	<b>758.345.609.851</b>	<b>315.356.117.688</b>
(100=110+120+130+140+150)	-	-	-	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.553.316.469	4.338.527.255
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		626.494.034.186	143.911.593.916
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	63.305.419.205	34.083.119.786
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		63.992.839.991	133.022.876.731
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	-	<b>686.974.306.471</b>	<b>878.051.681.480</b>
(200 = 210+220+240+250+260)	-	-	-	-
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		9.042.291.939	8.246.144.271



<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>512.130.327.125</b>	<b>547.694.588.932</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	512.130.327.125	547.694.588.932
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11	0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	0	0
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>VI.12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV - Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>VI.8</b>	<b>9.457.266.956</b>	<b>1.783.673.305</b>
<b>V - Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>156.344.420.451</b>	<b>320.327.274.972</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.445.319.916.322</b>	<b>1.193.407.799.168</b>

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>1.130.605.280.901</b>	<b>929.067.765.925</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>867.168.474.349</b>	<b>614.680.283.940</b>
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>263.436.806.552</b>	<b>314.387.481.985</b>
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>314.714.635.421</b>	<b>264.340.033.243</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>314.714.635.421</b>	<b>264.340.033.243</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	VI.25a	214.183.460.000	214.183.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a		
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	VI.25a		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	VI.25d		
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	VI.25a		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	VI.25a		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	7.825.181.705	3.850.147.787
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	92.705.993.716	46.306.425.456
- LNST chưa phân phối kỳ trước	421a		3.070.091.130	12.927.000.000

- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		89.635.902.586	33.379.425.456
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.445.319.916.322</b>	<b>1.193.407.799.168</b>

## B.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	CHỈ TIÊU	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM		So sánh (%)
		ĐẾN CUỐI QUÝ		
		NĂM NAY 2022	NĂM TRƯỚC 2021	
A	B	1	2	3=1/2*100
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.801.523.066.828	2.318.093.785.740	120,85
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.801.523.066.828	2.318.093.785.740	120,85
4	Giá vốn hàng bán	2.496.219.161.003	2.110.406.768.813	118,28
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	305.303.905.825	207.687.016.927	147,00
6	Doanh thu hoạt động tài chính	788.569.982	769.885.779	102,43
7	Chi phí tài chính	34.199.623.154	37.482.742.655	91,24
	Trong đó: chi phí lãi vay	34.199.623.154	37.482.742.655	91,24
8	Chi phí bán hàng	20.661.669.241	15.388.330.525	134,27
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	138.220.402.088	118.038.841.594	117,10
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	113.010.781.324	37.546.987.932	300,98
11	Thu nhập khác	2.614.807.268	1.163.572.148	224,72
12	Chi phí khác	299.062.204	20.748.422	1.441,37
13	Lợi nhuận khác	2.315.745.064	1.142.823.726	202,63
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.326.526.388	38.689.811.658	298,08
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	88.693.446.783	5.310.386.202	1.670,19
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(63.002.822.981)	-	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	89.635.902.586	33.379.425.456	268,54
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.185	1.558	268,61

## C.CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng, giảm
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,87	0,51	170,46
	Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn			



STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng, giảm
+	Hệ số thanh toán nhanh	0,80	0,46	175,16
	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,78	0,78	100,48
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,59	3,51	102,21
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+	Vòng quay hàng tồn kho	51,26	66,92	76,61
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,94	1,94	99,79
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,01	222,20
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,28	0,13	225,55
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,03	221,73
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,02	246,64

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty
- Các TV HĐQT, BKS
- Đăng trên Websie;
- Lưu: VT, Thư ký Cty



**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Trọng Hiệp**

Số: 2028/BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Hoạt động của HĐQT năm 2022, nhiệm kỳ năm 2018-2023;**  
**Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, nhiệm kỳ năm 2023-2028**

Thực hiện theo Kế hoạch SXKD và kế hoạch hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.

Với mục tiêu “An toàn, ổn định, hiệu quả” vì sự phát triển lâu dài, bền vững của Công ty, vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội cổ đông thường niên lần này, Hội đồng Quản trị trình bày lại tình hình hoạt động năm 2022 và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu của Công ty năm 2023, như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022 – Nhiệm kỳ 2018-2023**

Trong năm 2022 và nhiệm kỳ III năm (2018-2023), Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên trung bình mỗi tháng 2 lần, giải quyết các việc liên quan đến công tác chỉ đạo quản lý điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

**1. Về nhân sự và số phiên họp HĐQT.**

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tính đến hết năm 2022, HĐQT họp 194 phiên, có 02 lần thay đổi nhân sự HĐQT Công ty do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE) thay đổi người đại diện TKV tại Công ty như sau:

**a) Từ ngày 25/4/2018 – 1/3/2020.**

Nhân sự HĐQT không có sự thay đổi

TT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ tại công ty	Ngày bắt đầu là/Không còn là TV HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	25/4/2018	1/3/2020
2	Nguyễn Quế Thanh	TV HĐQT- GĐ	25/4/2018	
3	Vũ Tiến Quang	TV HĐQT- P.GĐ	25/4/2018	
4	Hoàng Trọng Hiệp	TV HĐQT- P.GĐ	25/4/2018	
5	Vadym D'omin	TV HĐQT	25/4/2018	



**b) Từ ngày 1/3/2020 – 2/4/2022**

Nhân sự HĐQT có sự thay đổi theo Quyết định số 283/QĐ-TKV ngày 25/2/2010 của TKV và Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 28/2/2020 của HĐQT Công ty: Ông Phạm Công Hương thôi giữ chức CT HĐQT, thôi tham gia HĐQT; Ông Trần Thế Thành – người đại diện phần vốn của TKV tham gia HĐQT và được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.

TT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ tại công ty	Ngày bắt đầu là/Không còn là TV HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch HĐQT	25/4/2018	1/3/2020
2	Trần Thế Thành	Chủ tịch HĐQT	1/3/2020	
3	Nguyễn Quế Thanh	TV HĐQT- GĐ	25/4/2018	
4	Vũ Tiến Quang	TV HĐQT- P.GĐ	25/4/2018	
5	Hoàng Trọng Hiệp	TVHĐQT- P.GĐ	25/4/2018	
6	Vadym D'omin	TVHĐQT	25/4/2018	

**c) Từ ngày 2/4/2020 – 30/6/2023**

Nhân sự HĐQT có sự thay đổi theo Quyết định số 499/QĐ-TKV ngày 01/4/2022 của TKV và Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT ngày 02/4/2022 của HĐQT Công ty: Ông Nguyễn Quế thanh thôi giữ chức Thành viên HĐQT-Giám đốc Công ty, thôi tham gia HĐQT; Ông Ngô Xuân Thủy – được cử làm người đại diện phần vốn của TKV, tham gia HĐQT Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Ghi chú
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch	Không ĐH	
2	Nguyễn Quế Thanh	Ủy viên	Điều hành	Từ nhiệm 03/4/2022
3	Hoàng Trọng Hiệp	Ủy viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 24/04/2018
4	Vũ Tiến Quang	Ủy viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 24/04/2018
5	Ngô Xuân Thủy	Ủy viên	Không ĐH	Bổ nhiệm từ 03/04/2022
6	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	

**2. Về nội dung họp HĐQT:**

Hội đồng Quản trị được Đại hội giao quản lý toàn diện mọi hoạt động SXKD của Công ty. Trong nhiệm kỳ III 2018-2023, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 194 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 194 Nghị quyết liên quan đến các công việc chủ yếu trong các lĩnh vực quản lý, điều hành sau: Giám sát, quản lý điều hành SXKD...; Đầu tư – Xây dựng; Tổ chức sản xuất, quản lý cán bộ; Lao động tiền lương,



chế độ chính sách...; Quản lý tài chính; Ban hành các quy chế quản lý nội bộ; Đại hội cổ đông, thực hiện quyền cổ đông...

Chi tiết nội dung các cuộc họp HĐQT được Công ty nêu tại Báo cáo quản trị Công ty hàng năm và được công bố trên các phương tiện thông tin của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, trang Web của Công ty.

### **3. Về thực hiện nhiệm vụ được giao:**

#### **a. Nhiệm vụ SXKD:**

Trong năm 2022 và nhiệm kỳ 2018-2023 là giai đoạn công ty phát triển tương đối ổn định. Từ cuối năm 2019 tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên thế giới và trong nước. Do đó cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành than, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ.

Đối với Công ty, thực hiện theo các chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên về các giải pháp SXKD trong điều kiện dịch bệnh dần được kiểm soát và ổn định tổ chức sau khi thay đổi lãnh đạo điều hành. Công ty tiếp tục tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu, trọng tâm là tái cơ cấu kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động. Kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất, kiểm soát chất lượng than. Đảm bảo an toàn môi trường, an ninh trật tự, an sinh xã hội, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động. Duy trì tốt đoàn kết nội bộ, với tinh thần KỶ LUẬT và ĐỒNG TÂM công ty đã cơ bản hoàn thành được các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2022, cả nhiệm kỳ 2018-2023 do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống và thu nhập của CB CNV ở mức cao trong Tập đoàn, Công ty bảo tồn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh cụ thể:

#### **(i) Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2022**

**i-1. Than SX:** Thực hiện 1.555.400T/KH: 1.551.300T đạt 100,3% KH năm, (bằng 97,2% so với cùng kỳ năm 2021); Trong đó:

- Than SX hầm lò thực hiện 1.529.100T/KH: 1.525.000T đạt 100,3% KH năm (bằng 98,9% so với cùng kỳ năm 2021).

- Than SX LT thuê thầu thực hiện 26.300T/KH: 26.300T đạt 100% KHĐC năm (bằng 47,8% so với cùng kỳ năm 2021).

**i-2. Đào lò CBSX:** Thực hiện 19.840 m/KH: 19.200m đạt 103,3% KH năm (bằng 96,7 % so với cùng kỳ năm 2021); trong đó:

- Nội bộ thực hiện: 18.040 m/KH: 17.200m đạt 104,9% KH năm (bằng 98,1% so với cùng kỳ năm 2021).

- Thuê ngoài thực hiện: 1.800m/KH: 2.000m đạt 90% KH năm (bằng 84,6% so với cùng kỳ năm 2021).

- Mét lò neo thực hiện: 3.000m/KH: 5.000m đạt 60% KH năm (bằng 84,4% so với cùng kỳ năm 2021).

**i-3. Đất bóc:** Thực hiện 176.000m<sup>3</sup>/KH: 176.000m<sup>3</sup> đạt 100% KH năm, (bằng 52,2% so với cùng kỳ năm 2021)



**i-4. Than tiêu thụ:** Tổng số thực hiện 1.582.000T/KH: 1.522.500T đạt 103,9% KH năm (bằng 99,8% cùng kỳ năm 2021); Trong đó:

- Than NK giao NMT thực hiện 1.508.000T/KH: 1.485.000T đạt 101,5% KH năm (bằng 109,2% so với cùng kỳ năm 2021).

- Than sạch giao KV thực hiện 74.000/KH: 37.500T đạt 197,3% KH năm (bằng 36,1% so với cùng kỳ năm 2021).

**i-5. Tồn kho:** 17.500 tấn bằng 41% so cùng kỳ năm 2021.

**i-6. Doanh thu:** Trong năm 2022 sản lượng than quy sạch của Công ty tiêu thụ: 1.359.380 Tấn/KH: 1.299.750 tấn bằng 104,6% KH, doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.787,8 tỷ đồng/KH: 2.276,9 tỷ đạt 122,4% KH bằng 121,2% so với cùng kỳ năm 2021.

**i-7. Nộp ngân sách nhà nước:** Công ty đã nộp NSNN là 659,8 tỷ đồng cao hơn so với cùng kỳ năm trước là 151,5 tỷ nguyên nhân chủ yếu do tiền thuế TNDN tăng 85,3 tỷ; tiền thuế tài nguyên tăng 48,9 tỷ; tiền thuế giá trị gia tăng tăng 5 tỷ; tiền cấp quyền khai thác tăng 9,4 tỷ

**i-8. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:** thực hiện 3,59 lần/KH: 4,68 lần giảm so với kế hoạch là 1,09 lần, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 28,51% cao hơn so với đầu năm là 15,88% và tỷ suất lợi nhuận/ tài sản (ROA) là 6,21% cao hơn so đầu năm 3,41%

**i-9. Lợi nhuận:** 115,4 tỷ đồng đạt 196,64% KH năm tăng 333,6% so với cùng kỳ năm 2021.

**i-10. Tổng tài sản năm 2021** là 1.445 tỷ đồng, cao hơn 21,1% so với đầu kỳ chủ yếu do tăng các khoản phải thu ngắn hạn. Sau khi trích lập dự phòng, mua bảo hiểm tài sản theo quy định, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 115,4 tỷ đồng, điều này cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn kinh doanh.

**i-11. Giá thành thực hiện:** 1.971.084 đ-tấn/KH: 1.728.602 đ-tấn bằng 114% KH.

**i-12. Lao động và thu nhập** Lao động danh sách 31/12/2021 là 3.337 người; tăng 18 người so với lao động đầu năm (Số lượng công nhân tuyển mới đến thời điểm hiện tại là 320 người/KH năm: 343 người đạt 89,2% KH và bằng 115,9% so với cùng kỳ năm 2021). Số công nhân nghỉ chế độ hưu trí: 23 người, số công nhân thực hiện NVQS: 05 người, số công nhân sa thải, nghỉ VLD, chấm dứt hợp đồng: 256 người; TNLĐ, ốm mắt: 04 người); Tiền lương thực hiện bình quân là 17,644 triệu đồng/người/tháng bằng 109,2% KH: 16,157 triệu đồng/người/tháng (Tăng 105,1% so với cùng kỳ năm 2021);

**(ii) Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ 2018 – 2023.**

**\*Kết quả thực hiện năm 2018**

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2018 (CV6059TKV)	KH Điều chỉnh (CV6783)	Thực hiện năm 2018	% TH/KH Điều chỉnh	% Cùng kỳ năm 2017
A	Sản xuất						
I	Than sản xuất	Tấn	1.450.000	1.450.000	1.524.000	105	121
1	Than hầm lò	Tấn	1.300.000	1.300.000	1.337.000	103	119
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	150.000	187.000	125	139



TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2018 (CV6059TKV)	KH Điều chỉnh (CV6783)	Thực hiện năm 2018	% TH/K H Điều chỉnh	% Cùng kỳ năm 2017
	- Nội bộ làm	“	50.000	90.000	115.000	128	86
	- Than giao thầu	“	100.000	60.000	72.000	120	
<b>II</b>	<b>Bóc đất đá</b>	M <sup>3</sup>	<b>2.011.000</b>	<b>1.550.000</b>	<b>2.041.000</b>	<b>132</b>	<b>217</b>
1	Tự làm	M <sup>3</sup>	664.000		684.000		88
2	Thuê thầu khai thác	M <sup>3</sup>	1.347.000		1.357.000		827
<b>III</b>	<b>Mét lò đào tổng số</b>	M	<b>18.700</b>	<b>15.850</b>	<b>15.880</b>	<b>100</b>	<b>101</b>
1	Đào lò CBSX	M	18.700	15.850	15.880	100	101
	- Nội bộ làm	“	16.700		14.710		94
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	2.000		1.170		
<b>IV</b>	<b>Lò xén + xén khô phục</b>	M	<b>2.300</b>	<b>2.400</b>	<b>2.730</b>	<b>114</b>	<b>105</b>
1	Mét lò xén CBSX	M	2.300	2.400	2.730	114	105
<b>B</b>	<b>Than tiêu thụ tổng số</b>	Tấn	<b>1.476.000</b>	<b>1.430.000</b>	<b>1.472.000</b>	<b>103</b>	<b>119</b>
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.300.000	1.260.000	1.265.000	100	114
2	Than sạch giao KV	Tấn	176.000	170.000	207.000	122	168
<b>C</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	Tr.đ	<b>202.519</b>	<b>187.342</b>	<b>166.270</b>	<b>89</b>	
	Xây lắp	Tr.đ	50.704	54.480	40.122	74	
	Thiết bị	Tr.đ	136.797	120.864	120.092	99	
	Khác	Tr.đ	15.018	11.998	6.056	50	
<b>D</b>	<b>Doanh thu tổng số</b>	Tr.đ	<b>1.673.131</b>	<b>1.858.469</b>	<b>1.958.689</b>	<b>105</b>	<b>136</b>
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận</b>	Tr.đ	<b>22.954</b>	<b>22.954</b>	<b>29.957</b>	<b>131</b>	<b>155</b>
<b>F</b>	<b>Thu nhập bình quân</b>	Tr.đ/ng/ th	<b>11,840</b>	<b>12,708</b>	<b>13,024</b>	<b>102</b>	<b>130</b>
<b>G</b>	<b>Tồn kho</b>	Tấn			<b>36.923</b>		<b>121</b>

Tóm lại: Năm 2018 Công ty đã hoàn thành vượt một số các chỉ tiêu. Về chỉ tiêu sản lượng hầm lò được đánh giá là sản lượng lớn nhất từ trước đến nay. Trong năm 2018 đã triển khai đồng bộ các giải pháp tập trung vào việc cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Lắp đặt thử nghiệm hệ thống bơm hút bùn; Cải tạo hệ thống nạo vét goòng. Tập trung triển khai các công việc phòng chống mưa bão; Đã tiến hành đào cặp ngầm xuống mức -400; Đào lò ngầm +20/-100 để tăng cường hệ thống vận tải than lên mặt bằng. Xây dựng xong nhà điều hành công trường số 2 để đưa vào sử dụng



tạo không gian làm việc trang hoàng hơn. Chuẩn bị các Công tác đầu tư cho lâu dài và tăng sản lượng trong những năm tiếp theo.

**\* Kết quả thực hiện năm 2019.**

TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2019 (CV. 6736/TKV)	KHĐC 2174/QĐ- TKV	THỰC HIỆN NĂM 2019	% TH/KH ĐIỀU CHỈNH H	% Cùng kỳ năm 2018
<b>A</b>	<b>Sản xuất</b>						
<b>I</b>	<b>Than sản xuất</b>	Tấn	<b>1.550.000</b>	<b>1.590.000</b>	<b>1.627.000</b>	<b>102</b>	<b>107</b>
1	Than hầm lò	Tấn	1.400.000	1.440.000	1.477.000	103	110
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	150.000	150.000	100	80
	- Nội bộ làm	“		55.000	58.000	105	50
	- Than giao thầu	“		95.000	92.000	97	128
<b>II</b>	<b>Bóc đất đá</b>	M <sup>3</sup>	<b>1.265.000</b>	<b>1.480.000</b>	<b>1.446.000</b>	<b>98</b>	<b>71</b>
1	Tự làm	M <sup>3</sup>	238.000	398.000	422.000	106	62
2	Thuê thầu khai thác	M <sup>3</sup>	1.027.000	1.082.000	1.024.000	95	75
<b>III</b>	<b>Hệ số bóc đất đá</b>	m <sup>3</sup> /tấn			9,6		
<b>IV</b>	<b>Mét lò đào tổng số</b>	M	<b>19.000</b>	<b>17.200</b>	<b>17.300</b>	<b>101</b>	<b>109</b>
1	Đào lò CBSX	M	19.000	17.200	17.300	101	109
	- Nội bộ làm	“	15.000	15.020	15.430	103	105
	- Mét lò neo	“	4.000	3.000	2.790	93	201
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	4.000	2.180	1.870	86	160
<b>V</b>	<b>Lò xén + xén khô phục</b>	M	<b>2.500</b>	<b>3.500</b>	<b>3.750</b>	<b>107</b>	<b>137</b>
<b>VI</b>	<b>Hệ số bóc mét lò đào</b>	m/tấn			11,7		
<b>B</b>	<b>Than tiêu thụ tổng số</b>	Tấn	<b>1.521.000</b>	<b>1.555.000</b>	<b>1.581.000</b>	<b>102</b>	<b>107</b>
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.300.000	1.300.000	1.325.000	102	105
2	Than sạch giao KV	Tấn	221.000	255.000	256.000	100	124
<b>C</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	Tr.đ	<b>205.621</b>	<b>111.550</b>	<b>94.736</b>	<b>85</b>	
	Xây lắp	Tr.đ	12.277	7.463	6.083	82	
	Thiết bị	Tr.đ	162.827	94.323	83.960	89	
	Khác	Tr.đ	30.517	9.764	4.693	48	
<b>D</b>	<b>Doanh thu tổng số</b>	Tr.đ	<b>1.918.521</b>	<b>2.029.166</b>	<b>2.089.387</b>	<b>103</b>	<b>160</b>
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận tổng số</b>	Tr.đ	<b>26.266</b>	<b>38.950</b>	<b>43.894</b>	<b>113</b>	<b>147</b>
<b>F</b>	<b>Số lao động</b>	Người	<b>3.309</b>	<b>3.309</b>	<b>3.290</b>	<b>99</b>	



TT	Danh mục	ĐVT	KHPL2019 (CV. 6736/TKV)	KHĐC 2174/QĐ- TKV	THỰC HIỆN NĂM 2019	% TH/KH ĐIỀU CHỈNH H	% Cùng kỳ năm 2018
G	Thu nhập bình quân	Tr.đ/n g/th	13,665	13,807	14,672	106	113
H	Lương BQ CN lò	Tr.đ/n g/th	17,437	17,437	19,428	111	119
I	Tồn kho	Tấn			46.000		128

Năm 2019 Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD. Để đạt được thành tích nêu trên là do sự cố gắng nỗ lực, sự chuyển mình tích cực trên mọi lĩnh vực của công ty: Quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ, điều hành và đặc biệt là khâu TCSX tại các PX, kỷ luật lao động được quan tâm, siết chặt, tinh thần sản xuất rất cao của từ người đứng đầu đến mỗi CBCNV trong từng đơn vị. Chất lượng và tiến độ giải quyết, xử lý các tình huống trong sản xuất được nâng lên rõ rệt; phương thức tác nghiệp đã được cải tiến...ngoài ra công ty còn được sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và sự phối hợp giúp đỡ của chính quyền địa phương.

**\* Kết quả thực hiện năm 2020.**

**- Các chỉ tiêu tổng hợp**

**i-1. Doanh thu:** Trong năm sản lượng than quy sạch của Công ty tiêu thụ: 1.396.000 Tấn/KH 1.362.000 tấn bằng 102,2% KH, doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.469 tỷ đồng/KH: 2.435,6 tỷ đạt 101,4%KHĐC; đạt 119% so với Nghị Quyết (vượt 119% so với cùng kỳ năm 2019).

**i-2. Nộp ngân sách nhà nước:** 496 tỷ đồng cao hơn so với năm 2019 là 17 tỷ nguyên nhân do đơn giá tính thuế tăng.

**i-3. Lợi nhuận:** 28,121 tỷ đồng đạt 101,7 % KH năm và Nghị quyết (KH: 27,653 tỷ đồng) vượt 111,5% so với cùng kỳ năm 2019.

**i-4. Tổng tài sản năm 2020:** Là 1.481 tỷ đồng tăng vượt 125% so với cùng kỳ năm 2019.

**i-5. Lao động và thu nhập:** Lao động danh sách đến thời điểm 31/12/2020 là 3.415 người; tăng 129 người so với KH đầu năm; tiền lương thực hiện bình quân 15,632 triệu đồng/người/tháng bằng 100%KH (Tăng 106% so với cùng kỳ năm 2019); tiền lương thực hiện bình quân công nhân lò 19,803 triệu đồng/người/tháng bằng 100,1%KH (Tăng 102 so với cùng kỳ năm 2019).

**- Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện:**

**i-1. Than SX:** Thực hiện 1.622.000T/KHĐC:1.610.000T đạt 100,7%KHĐC nhưng chỉ đạt 97% so với Nghị quyết số 999/NQ-MDC, ngày 25/4/2020 (1.660.000 tấn). Nguyên nhân do Tập đoàn giảm sản lượng 50.000 tấn than NK vì điều kiện mưa bão bất thường, đại dịch Covid -19 và tiêu thụ khó khăn (Đạt 99,7% so với cùng kỳ năm 2019); Trong đó:

- Than SX hàm lò thực hiện 1.512.000T/KH: 1.500.000T đạt 100,8%KH.

- Than SX LT thực hiện 110.000T/KH ĐC: 110.000T đạt 100%KH.





Trong đó:

+ Nội bộ tự làm thực hiện 19.000T/KH ĐC: 19.000T đạt 100%KH.

+ Than thuê thầu thực hiện 91.000T/KH ĐC: 91.000T đạt 100%KH.

**i-2. Đào lò:** Thực hiện 21.101m/KH: 20.850m đạt 101,2%KH; bằng 104% so với Nghị Quyết (20.150 mét). (Vượt 122% so với cùng kỳ năm 2019); trong đó:

- Nội bộ thực hiện: 18.970m/KH: 18.500m đạt 102,5%KH.

- Thuê ngoài thực hiện: 2.130m/KH: 2.350m đạt 90,7%KH.

- Mét lò neo thực hiện: 4.255m/KH: 4.000m đạt 106%KH.

**i-3. Đất bóc:** Thực hiện 1.416.000m<sup>3</sup>/KH: 1.417.000m<sup>3</sup> đạt 99,9%KH; bằng 86% so với Nghị Quyết (1.640.000 m<sup>3</sup>). (Đạt 98% so với cùng kỳ năm 2019); Trong đó:

- Nội bộ thực hiện: 307.000m<sup>3</sup>/KH: 307.000m<sup>3</sup> đạt 100%KH.

- Thuê thầu thực hiện 1.109.000m<sup>3</sup>/KH: 1.110.000m<sup>3</sup> đạt 99,9%KH.

**i-4. Than tiêu thụ:** Tổng số thực hiện 1.602.000T/KH: 1.570.000T đạt 102% KH; bằng 97,7% so với Nghị Quyết (1.639.000 tấn). Trong đó:

- Than NK giao NMT thực hiện 1.418.000T/KH: 1.387.000T đạt 102,3%KH.

- Than sạch giao KV thực hiện 183.000/KH: 183.000T đạt 100%KH.

**i-5. Tôn kho:** 44.000T; Trong đó kho Công ty: 6.500 tấn; kho thuê thầu: 37.500 tấn.

Năm 2020 Công ty CP than Mông Dương thực hiện theo mục tiêu chung của toàn Tập đoàn năm 2020 là “**An toàn- Đổi mới- Phát triển**” Công ty đã tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu, trọng tâm là tái cơ cấu kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động. Kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng than. Tập trung các giải pháp nâng cao công tác an toàn lao động, đảm bảo an toàn môi trường, an ninh trật tự, an sinh xã hội, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động. Duy trì tốt đoàn kết nội bộ, với tinh thần KỶ LUẬT và ĐỒNG TÂM nên mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19 cũng như tình hình tiêu thụ có chiều hướng khó khăn; công ty đã hoàn thành được các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2020

**\* Kết quả thực hiện năm 2021.**

**\*Các chỉ tiêu tổng hợp**

**i-1. Doanh thu:** Trong năm sản lượng than quy sạch của Công ty tiêu thụ: 1.382.000 Tấn/KH 1.322.500 tấn bằng 104,5% KH, doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.301 tỷ đồng/KH: 2.191,5 tỷ đạt 104,9%KH và bằng 105,6% so với cùng kỳ năm 2020 (Đã loại trừ doanh thu do chuyển quỹ tập trung sang chi phí sản xuất).

**i-2. Nộp ngân sách nhà nước:** Trong năm 2021, Công ty phải nộp NSNN là 508,3 tỷ đồng cao hơn so với cùng kỳ năm trước là 12,8 tỷ nguyên nhân chủ yếu do tiền cấp quyền khai thác phải nộp tăng 9,6 tỷ; tiền thuế GTGT tăng 22 tỷ nhưng tiền thuế tài nguyên phải nộp năm 2021 giảm do đơn giá tính thuế thấp hơn 2020 là 19 tỷ .

**i-3. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:** 3,55/4,75 lần theo KH TKV giao; Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 0,51/0,51 lần KH được TKV giao; Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở



hữu là 11,6 %, cao hơn so với năm 2020 là 0,18%. Tỷ suất lợi nhuận/ tài sản (ROA) trong năm 2021 là 2,5 % tăng so với cùng kỳ năm 2020 là 0,6%.

**i-4. Lợi nhuận:** 34,6 tỷ đồng đạt 121,4% KH năm (KH: 28,5 tỷ đồng) bằng 123% so với cùng kỳ năm 2020.

**i-5. Tổng tài sản năm 2021** là 1.189 tỷ đồng giảm 19,73 % so với cùng kỳ năm 2020. Sau khi trích lập dự phòng mua bảo hiểm tài sản theo quy định, công ty đạt lợi nhuận trước thuế như nêu ở trên, điều này cho thấy công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn kinh doanh.

**i-6. Giá thành thực hiện:** 1.644.604 đồng-tấn/KH: 1.635.513 đồng-tấn bằng 100,5%KH.

**i-7. Lao động và thu nhập:** Lao động danh sách 31/12 là 3.319 người; tăng 25 người so với KH đầu năm (Số lượng công nhân tuyển mới đến thời điểm hiện tại là 264 người/KH năm: 280 người đạt 94,2% KH và bằng 79,5% so với cùng kỳ năm 2020). Số công nhân nghỉ chế độ hưu trí: 14 người, số công nhân thực hiện NVQS: 4 người, số công nhân sa thải, nghỉ VLD, chấm dứt hợp đồng: 267 người; TNLĐ, ốm mất: 6 người); Tiền lương thực hiện bình quân là 16,784 triệu đồng/người-tháng bằng 107,1% KH: 15,676 triệu đồng/người/tháng (Tăng 107% so với cùng kỳ năm 2020); năng suất tính theo doanh thu bằng 56,57 triệu đồng/người-tháng (Tăng 106,2 % so với cùng kỳ năm 2020); năng suất LĐ sản xuất than thực hiện 37,9 tấn/người-tháng (Tăng 102,7% so với cùng kỳ năm 2020).

**- Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện:**

**i-1. Than SX:** Thực hiện 1.600.500T/KH: 1.550.000T đạt 103,2%KH; bằng 98,6% cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Than SX hầm lò thực hiện 1.545.500T/KH: 1.500.000T đạt 103%KH; bằng 102,2% cùng kỳ năm 2020.

- Than SX LT thực hiện 55.000T/KH: 50.000T đạt 110%KH; bằng 60,3% cùng kỳ năm 2020.

**i-2. Đào lò CBSX:** Thực hiện 20.500m/KH: 19.750 m đạt 103,8%KH; bằng 96,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Mét lò đào nội bộ thực hiện: 18.380m/ KH: 15.350m đạt 119,7%KH.

- Lò thuê ngoài: 2.120m/KH: 4.400m đạt 48,1%KH.

- Mét lò neo thực hiện: 3.550m/KH: 5.500m đạt 64,5%KH.

**i-3. Đất bóc:** Thực hiện 337.000m<sup>3</sup>/KH: 335.000m<sup>3</sup> đạt 100,6%KH bằng 23,8% cùng kỳ năm 2020.

**i-4. Than tiêu thụ:** Tổng số thực hiện 1.586.000T/KH: 1.540.000T đạt 102,9% KH; bằng 99% cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Than nguyên khai giao tuyển: Thực hiện: 1.381.000T/KH: 1.450.000 tấn đạt 95,2%KH

- Than sạch giao kho vận: 205.000T/KH: 90.000 tấn đạt 227,6%KH

**i-5. Tồn kho:** 42.600 tấn bằng 111,1% cùng kỳ năm 2020; trong đó

- Tồn kho TT: 11.100T

- Tồn kho +30H10: 31.500T

\*Chi tiết đánh giá mọi hoạt động SXKD đề nghị Quý vị cổ đông xem tại báo cáo kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018-2023) ; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023-2028) đăng tại trang Web của Công ty.

**b. Nhiệm vụ tái cơ cấu của Công ty.**



- Tăng tỷ lệ sở hữu vốn của TKV: Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đến ngày 18/9/2020 Tập đoàn đã mua thành công 2.350.071 cổ phiếu “MDC” để nâng tỷ lệ sở hữu từ 11.571.854 cổ phần (tỷ lệ 54,03%) lên 13.921.925 cổ phần (tỷ lệ 65%).

- Kiện toàn sắp xếp các phòng chuyên môn, phân xưởng sản xuất: Công ty đã thực hiện xong các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TKV ngày 30/3/2018. Tổng số phòng hiện tại của công ty 13 Phòng ban, 23 Phân xưởng đơn vị sản xuất.

### ***c. Về công tác giám sát:***

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty, bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng... thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra và có đánh giá, nhận xét như sau:

- Các cán bộ quản lý Công ty đều có trình độ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực được phân công phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;

- Các cán bộ quản lý Công ty không vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, triển khai kiểm soát tốt mọi hoạt động SXKD Công ty. Các văn bản quản lý nội bộ do Giám đốc Công ty ban hành không vượt quá thẩm quyền phù hợp với các chuẩn mực, quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

\* **Tóm lại:** Trong nhiệm kỳ hoạt động 5 năm 2018-2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

## **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2023, NHIỆM KỲ NĂM 2023-2028**





Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2023 và nhiệm kỳ 2018 – 2023 được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể như sau:

**A. Mục tiêu:**

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty lâu dài.

**B. Nhiệm vụ:**

1. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xuống sâu khai thác hầm lò mỏ than Mông Dương để duy trì SX cho các năm tiếp theo.

2. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong các công đoạn, dây chuyền và tổ chức sản xuất. Triển khai công tác xã hội hóa ở một số khâu dây chuyền sản xuất.

3. Triển khai thực hiện cơ chế tuyển dụng, thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

4. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa lò chợ, tự động hóa vào sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...


5. Giữ giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

7. Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỷ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

8. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.



Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, nhiệm kỳ 2018-2023; phương hướng nhiệm vụ năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028, Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Quý vị cổ đông. 

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS (ecopy)
- ĐU, CĐ, ĐTN (ecopy)
- GD, Các PGĐ, KTT (ecopy)
- Cổ đông của Công ty
- P.CV (đăng trên Website)
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



  
**Trần Thế Thành**

Số: 2027/BC-TMD

Cám Phả, ngày 30 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023) Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023 ÷ 2028)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đại hội cổ đông thông qua ngày 24/4/2021;

Thực hiện nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả SXKD năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023); Kế hoạch SXKD năm 2023, nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023 ÷ 2028) như sau:

## PHẦN I

### KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022, NHIỆM KỲ KHÓA III (NĂM 2018 ÷ 2023)

#### I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch

Nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023) là nhiệm kỳ Công ty gặp rất nhiều khó khăn và thách thức: Chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cùng các dịch bệnh phức tạp khác; tình hình diễn biến của thế giới tiếp tục có nhiều biến động, phức tạp, khó lường ảnh hưởng nhiều đến giá cả, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, điều kiện kỹ thuật mở tiếp tục có nhiều thay đổi, nhiều rủi ro khi khai thác tập trung ở mức - 250, điều kiện vỉa thay đổi nhiều so với tài liệu thăm dò, quy mô và diện khai thác nhỏ hẹp dẫn đến khó khăn trong huy động diện; thiết bị công nghệ vận tải, cơ sở hạ tầng không đồng bộ, nhiều loại hình vận tải, dây chuyền vận tải dài, nhiều khu vực đã xuống cấp, công tác quản lý khí mỏ nhiều phức tạp; công tác tuyển dụng, giữ chân người lao động còn gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên trong những năm qua Công ty bám sát mục tiêu kế hoạch, giải pháp điều hành của Tập đoàn; Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch phù hợp tại Công ty, cùng với giải pháp, biện pháp điều hành linh hoạt, quyết liệt; sự phối hợp chặt chẽ của cả hệ thống chính trị và tinh thần lao động tích cực, sáng tạo của tập thể người lao động trong Công ty nên nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023) Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD Tập đoàn giao, đời sống người lao động được đảm bảo, các nguồn lực được phát huy, nội bộ Công ty đoàn kết, môi trường làm việc được quan tâm cải thiện.

#### II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD



### 1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	197	176	176	89	100
-	Đất sản xuất	"	197	176	176	89	100
2	Đào lò tổng số	Mét	18.800	19.200	19.838	106	103
-	Đào lò XDCB	"	-	-	-		
-	Lò CBSX	"	18.800	19.200	19.838	106	103
3	Than NK sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	1.525	1.551	1.432	94	92
-	Than lộ thiên	"	25	26	26	105	100
-	Than hầm lò	"	1.500	1.525	1.529	102	100
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	38	38	68	182	182
-	Than sạch từ than NK	"	38	38	68	182	182
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-	-		
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	1.523	1.523	1.583	104	104
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	65	91	97	150	107
7	Doanh thu	Tỷ đồng	2.277	2.277	2.805	123	123
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	29	59	116	394	197
9	Lao động định mức	Người	3.473	3.473	3.418	98	98
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	16.175	16.175	17.644	109	109
11	Cổ tức	%	6-8	6-8	7		

### 2. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch nhiệm kỳ III (2018-2022)		Thực hiện	So sánh %	
			Ban đầu	Điều chỉnh		Ban đầu	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	5.448	4.958	5.416	99	109
-	Đất sản xuất	"	5.448	4.958	5.416	99	109
-	Đất đá xúc lại bãi thải	"	-	-	-		
2	Đào lò tổng số	Mét	95.500	92.850	94.637	99	102
-	Đào lò XDCB	"	-	-	-		
-	Lò CBSX	"	95.500	92.850	94.637	99	102
3	Than NK sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	7.735	7.751	7.930	103	102
-	Than lộ thiên	"	535	486	529	99	109



-	Than hầm lò	"	7.200	7.265	7.400	103	102
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	761	761	871	115	115
-	Than sạch từ than NK	"	761	761	871	115	115
-	Than sạch từ SPNT	"	-	-	-		
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	7.580	7.584	7.825	103	103
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	857	793	756	88	95
7	Doanh thu	Tỷ đồng	10.125	10.698	11.630	115	109
8	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	135	164	244	181	148
9	Lao động	Người	3.371	3.371	3.378	100	100
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	14.589	14.689	15.524	106	106
11	Cổ tức	%	6-8	6-8	7		

### 3. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD

Năm 2022, nhiệm kỳ khóa III (năm 2018 ÷ 2023) đa số các chỉ tiêu SXKD của Công ty hoàn thành Kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra và được HĐQT Công ty đánh giá như sau:

**3.1. Công tác Quản lý an toàn:** Công ty đã thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý an toàn, kiểm tra chỉ đạo các đơn vị và người lao động thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn; chấn chỉnh kịp thời những hành vi gây mất an toàn; tổ chức huấn luyện an toàn cho lao động theo quy định. Bởi vậy trong nhiệm kỳ qua công tác an toàn lao động của Công ty luôn được đảm bảo.

#### 3.2. Công tác Quản lý kỹ thuật

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu kỹ thuật Tập đoàn giao, đảm bảo an toàn; Trong công nghệ khai thác Công ty duy trì 01 lò chợ CGH khẩu giàn chống loại nhẹ, thu hồi than nóc, công suất 300.000 tấn/năm, khẩu giàn ZRY cho các vỉa dốc đứng, thay thế dần giá TLĐĐ - XDY bằng giá khung, giá xích (Sau 2024 sẽ không còn giá XDY) hoạt động ổn định, đạt và vượt công suất, duy trì máy 01 Com bai đào lò dọc vỉa than, đánh giá hiệu quả để đầu tư thêm các máy đào lò vào các năm tiếp theo thay thế dần cho công nghệ bán cơ giới hóa hiện nay, đưa tối đa băng tải B650 vào thay thế cho máy cào tại các lò chợ và gương lò có dây truyền vận tải dài, nâng cao được năng xuất lao động, giảm giá thành.

+ Đối với dây truyền vận tải chính: Công ty đã cải tạo sửa chữa Băng tải số 4 ngầm VT trung tâm từ năng xuất 333 tấn/giờ lên 420 tấn giờ, đáp ứng được năng lực vận tải là một phần nguyên nhân Công ty đã tăng được 2% sản lượng than hầm lò (so với kế hoạch sản lượng tại văn bản số: 4261/TKV-KH).

#### 3.3. Công tác Đầu tư XD/CB:

Đối với việc thực hiện đầu tư khai thác xuống sâu : Hiện nay Công ty đang thực hiện khai thông tầng -250/-400 theo Phương án kỹ thuật được TKV thông qua tháng 4/2021 tuy nhiên qua rà soát đánh giá hạng mục Giếng đứng phụ +8/-425 dự kiến phải hết năm 2030 Công ty mới hoàn thành, do vậy sẽ khó khăn cho công tác vận tải người,



vật liệu khi đưa phân tầng này vào khai thác vào năm 2025. Nội dung này đã được Công ty báo cáo TKV trong quý I/2023 trong đó Công ty có đề xuất thực hiện Phương án nâng cao năng lực vận tải (đào bổ sung ngầm vận tải từ mức -97,5/-400 và lắp đặt thiết bị để vận chuyển người, vật liệu, thủ tiêu sự cố khi khai thác tầng -250/-400 trong thời gian chưa có Giếng đứng phụ). Phương án nâng cao năng lực vận tải hiện nay Công ty đang thuê đơn vị tư vấn lập dự kiến sẽ trình TKV trong tháng 7/2023. Đề nghị TKV xem xét sớm thông qua nội dung phương án để Công ty triển khai việc đào ngầm vận tải -97,5/-400 ngay trong tháng 9 năm 2023.

#### **3.4. Công tác tái cơ cấu:**

- Tổ chức thực hiện chủ trương tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của TKV tại Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin từ 54,03% lên 65% vốn điều lệ: Đến ngày 16/9/2020: Số cổ phiếu của TKV tại Công ty đã đạt 13.921.925 Cổ phần, chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty.

- Trong năm 2020 đã thoái 100% vốn của Công ty đầu tư tại Công ty cổ phần Nhiệt Điện Cẩm phả, thu về 21.799.210.000 đồng, bảo toàn được vốn.

- Thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TKV ngày 30/3/2018. Công ty đã quyết liệt thực hiện tái cơ cấu tổ chức các đơn vị, phòng ban để giảm số đầu mối và tinh giản lao động phục vụ, phụ trợ và LĐ gián tiếp

**3.5. Công tác tiền lương và thu nhập của lao động:** Trong những năm qua, công tác quản lý tiền lương và thu nhập luôn được thực hiện đảm bảo cân đối lợi ích giữa chủ sở hữu Công ty và người lao động, xây dựng được mối quan hệ lao động hài hòa, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững. Việc quản lý và sử dụng quỹ tiền lương luôn đảm bảo công khai, dân chủ, hợp lý, tuân thủ theo các quy định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty. Đảm bảo tốc độ tăng tiền lương hằng năm, luôn phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động.

**3.6. Công tác bảo vệ môi trường:** Công ty đã bám sát chủ đề về công tác môi trường của tỉnh Quảng Ninh để tập trung làm tốt công tác môi trường. Tăng cường tổ chức trồng cây xanh tạo bóng mát, cảnh quan mặt bằng công nghiệp các dự án. Phủ xanh các khu vực bãi thải đã kết thúc khai thác, đến nay công tác trồng cây cải tạo phục hồi môi trường các khu vực bãi thải, tuyến đường vận tải và trồng cây tạo cảnh quan các mặt bằng sản xuất cơ bản hoàn thành, mang lại môi trường Xanh - Sạch - Đẹp được TKV và các đoàn kiểm tra đến làm việc ghi nhận.

**3.7. Công tác quản trị chi phí:** Thực hiện quy chế khoán và quản trị chi phí giá thành của Tập đoàn, hàng năm ngay sau khi Tập đoàn ban hành Kế hoạch PHKD và Thông báo các chỉ tiêu Kế hoạch PHKD của Tập đoàn với các đơn vị. Công ty đã cân đối Kế hoạch SXKD theo từng yếu tố chi phí để điều hành, giao khoán quản trị trong nội bộ. Kết quả từ năm 2018 ÷ 2022 Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động qua các năm 2018 ÷ 2022 và 6 tháng đầu năm 2023 đều hoàn thành và vượt kế hoạch PHKD hàng năm TKV phê duyệt

#### **3.8. Công tác kế toán tài chính:**



- Đã thực hiện đảm bảo kịp thời việc theo dõi, báo cáo công tác thông kê hàng ngày, báo cáo TKV hàng tháng, quý, năm kịp thời theo quy định của Tập đoàn và Công ty.

- Đã chủ động được nguồn tiền từ doanh thu bán than, trên cơ sở đó cân đối thu chi tài chính hợp lý, đảm bảo hoạt động thông suốt, có hiệu quả của dòng tiền mà vẫn thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán. Quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để thu xếp đủ vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản, thanh toán với nhà nước, cấp trên, bạn hàng và người lao động. Luôn chủ động thanh toán các khoản nợ đến hạn, kiểm soát chi phí lãi vay. Chủ động làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn đàm phán lãi suất vay phù hợp, điều chỉnh lãi suất linh hoạt. Thường xuyên phân tích và kiểm soát các chỉ tiêu hoạt động tài chính, các chỉ số tài chính để hạn chế các rủi ro trong công tác tài chính.

\* **Tóm lại:** Với sự cố gắng không ngừng, phát huy nội lực, lao động sáng tạo, nhiệm kỳ qua Công ty đã hoàn thành kế hoạch SXKD Đại hội cổ đông giao; tiền lương, đời sống người lao động trong Công ty ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và Tập đoàn.

## PHẦN II:

### KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023, NHIỆM KỶ KHÓA IV (NĂM 2023 ÷ 2028), NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH

Nhiệm kỳ khóa IV (năm 2023 ÷ 2028) là giai đoạn dự báo là Công ty sẽ gặp rất nhiều khó và thách thức bởi điều kiện kỹ thuật mỏ tiếp tục có nhiều thay đổi, nhiều rủi ro khi khai thác tập trung ở mức - 250÷-400, diện sản xuất của Công ty ngày một xuống sâu và xa hơn, điều kiện địa chất phức tạp; diễn biến thời tiết cực đoan khó lường; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được với yêu cầu đặt ra; việc thực hiện các dự án, công trình còn nhiều vướng mắc về thủ tục.

#### I. Mục tiêu, nhiệm vụ

**1. Mục tiêu chiến lược:** Ổn định, phát triển sản xuất, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động SXKD; tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, tích cực Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa trong khai thác và quản lý sản xuất, chăm lo phát huy tốt nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao đời sống người lao động về mọi mặt, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” để thực hiện thắng lợi mục tiêu: “An toàn - Đổi mới - Phát triển”.

#### 2. Một số chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	
			Nhiệm kỳ IV (2023÷ 2028)	Năm 2023
1	Đào lò tổng số	Mét	95.000	19.000
-	Đào lò XD CB	"	-	-
-	Lò CBSX	"	95.000	19.000
2	Than nguyên khai sản xuất	10 <sup>3</sup> Tấn	7.500	1.550
3	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	50	10
-	Than sạch từ than nguyên khai	"	50	10
-	Than sạch từ SPNT	"	-	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	
			Nhiệm kỳ IV (2023÷ 2028)	Năm 2023
				-
4	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	7.500	1.550
5	Giá trị Đầu tư Xây dựng	Tỷ đồng	1.000	155
6	Doanh thu	Tỷ đồng	11.000	2.614
7	Lợi nhuận tổng số	Tỷ đồng	300	64
8	Lao động định mức	Người	16.500	3.489
9	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	17.500	17.724
10	Cổ tức	%	6 - 8	6 - 8

## II. Một số giải pháp cơ bản

1. Tổ chức sản xuất, tổ chức lao động hợp lý để thiết bị tham gia sản xuất ngay từ đầu ca, hạn chế thấp nhất những tổn thất trong điều hành; áp dụng tiến bộ kỹ thuật và sáng kiến cải tiến; tổ chức tốt công tác chăm sóc kỹ thuật thiết bị, đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, phấn đấu tăng năng suất thiết bị; chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ than ngay từ đầu nhiệm kỳ, phấn đấu cả nhiệm kỳ hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Tiếp tục khoán sản phẩm và chi phí sản xuất; khoán quản trị công nghệ và nguồn chi phí kinh doanh; khoán hạn mức chi phí điện thoại, văn phòng phẩm, trang sắm thiết bị văn phòng, chi phí sử dụng vi tính, dụng cụ đồ nghề... cho các đơn vị, phòng ban; duy trì kiểm tra và thanh quyết toán chi phí với các đơn vị, phòng ban theo quy chế quy định.

3. Tiến hành đánh giá thực tế năng lực xe máy để có giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng. Đối với những thiết bị có năng suất thấp, giá thành cao, hoạt động kém hiệu quả thì kiên quyết thanh lý.

4. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng và giá cả vật tư; duy trì tồn kho với hạn mức  $\leq 6\%$  chi phí vật liệu.

5. Hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, cải tiến tổ chức quản lý để tiết giảm vật tư nhiên liệu; đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

6. Tăng cường quản lý dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính để giảm chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính.

7. Quản lý đầu tư chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành; phối hợp, đôn đốc các nhà thầu thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ; huy động mọi nguồn lực của Công ty để triển khai Dự án; Cùng các nhà thầu chuẩn xác kế hoạch thi công với các biện pháp cụ thể, khả thi, đôn đốc quyết liệt các nhà thầu thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 nhiệm kỳ khóa III (2018 ÷ 2023); Kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2023 và nhiệm kỳ khóa IV (2025 ÷ 2028) của Công ty.

Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS (ecopy);
- Giám đốc, các PGĐ (ecopy);
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy);
- Các cổ đông Công ty;
- Văn phòng (Đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ỦY VIÊN HĐQT- GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Trọng Hiệp**